

LỊCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 (2024-2025)

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
24	Hai	3/3/2025	2-Sáng	Tin
	Ba	4/3/2025	1-Sáng	Công nghệ
	Tư	5/3/2025	1-Sáng	GDCD
	Năm	6/3/2025	1 -Sáng	LS&ĐL(Sử)
			4-Sáng	LS&ĐL(Địa)
	Sáu	7/3/2025	1-Sáng	GDDP
			5- Sáng	HĐTN-HN
25	Hai	10/3/2025	3+4-Sáng	KHTN
	Ba	11/3/2025	1+2 -Sáng	Văn 8,9
			3+4- Sáng	Văn 6,7
	Tư	12/3/2025	1+2- Sáng	Toán 8,9
			3-Sáng	Anh 8,9
			1+2- Chiều	Toán 6,7
			3-Chiều	Anh 6,7

ĐỀ CƯƠNG
ÔN THI GIỮA HỌC KỲ II CÁC MÔN KHỐI 9
NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN : TOÁN

Dạng 1. Rút gọn biểu thức và các bài toán

Bài 1. Cho $A = \frac{4}{\sqrt{x}+2}$ và $B = \frac{3}{\sqrt{x}+2} - \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-2} + \frac{2x-5\sqrt{x}+10}{x-4}$ với $x \geq 0, x \neq 4$.

1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 16$.

2) Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}+2}$.

3) Tìm tất cả giá trị của x để $\frac{A}{B} \geq -2$.

Bài 2. Cho $P = \frac{x+7}{3\sqrt{x}}$ và $Q = \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-3} + \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3} + \frac{7\sqrt{x}+3}{9-x}$ với $x > 0, x \neq 9$.

1) Tính giá trị P khi $x = 4$

2) Chứng minh $Q = \frac{3\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3}$

3) Tìm GTNN của $A = P.Q$

Bài 3. Cho hai biểu thức $A = \frac{2}{x-3\sqrt{x}}$ và $B = \frac{9}{x+3\sqrt{x}} - \frac{\sqrt{x}}{3+\sqrt{x}}$ với $x > 0, x \neq 9$.

1) Tính giá trị A khi $x = 25$

2) Chứng minh $B = \frac{3-\sqrt{x}}{\sqrt{x}}$

3) Đặt $P = A.B$. Tìm giá trị nguyên nhỏ nhất của x để P có giá trị là số nguyên.

Bài 4. Cho $A = \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-1}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1} - \frac{2\sqrt{x}+4}{x-1} + \frac{4}{\sqrt{x}-1}$ với $x \geq 0, x \neq 1$.

1) Tính giá trị A khi $x = 4 - 2\sqrt{3}$

2) Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1}$

3) Tìm x để $Q = 2B : A$ nhận giá trị nguyên

Dạng 2: Giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình – Bất phương trình.

Bài 1. Minh mua hai loại hàng và phải trả tổng cộng 165000 đồng, trong đó đã bao gồm 15000 đồng là tiền thuế giá trị gia tăng (viết tắt là VAT). Biết thuế VAT với loại hàng thứ nhất là 12% và thuế VAT với loại hàng thứ hai là 9%. Hỏi giá tiền của mỗi loại hàng khi chưa niêm yết là bao nhiêu?

Bài 2. Tìm một số tự nhiên có hai chữ số, tổng các chữ số của nó bằng 11, nếu đổi chỗ hai chữ số hàng chục và hàng đơn vị cho nhau thì số đó tăng thêm 27 đơn vị.

Bài 3. Hai người thợ cùng xây một bức tường trong 7 giờ 12 phút thì xong (vôi vữa và gạch có công nhân khác vận chuyển). Nếu người thợ thứ nhất làm trong 5 giờ và người thợ thứ hai làm trong 6 giờ thì cả hai người thợ xây được $\frac{3}{4}$ bức tường. Hỏi mỗi người thợ làm một mình trong bao lâu thì xây xong bức tường?

Bài 4. Hai người thợ quét sơn một ngôi nhà. Nếu họ cùng làm trong 6 ngày thì xong công việc. Hai người làm cùng nhau trong 3 ngày thì người thứ nhất được chuyển đi làm công việc khác, người thứ hai làm một mình trong 4 ngày nữa thì hoàn thành công việc. Hỏi nếu làm riêng thì mỗi người hoàn thành công việc đó trong bao lâu?

Bài 5. Nhà máy luyện thép hiện có sẵn loại thép chứa 10% carbon và loại thép chứa 20% carbon. Giả sử trong quá trình luyện thép các nguyên liệu không bị hao hụt. Tính khối lượng thép mỗi loại cần dùng để luyện được 1000 tấn thép chứa 16% carbon từ hai loại thép trên.

Bài 6. Một ca nô chạy trên sông trong 8 giờ, xuôi dòng 81km và ngược dòng 105km. Một lần khác cũng chạy trên khúc sông đó, ca nô này chạy trong 4 giờ, xuôi dòng 54km và ngược dòng 42km. Hãy tính vận tốc khi xuôi dòng và ngược dòng của ca nô, biết vận tốc dòng nước và vận tốc riêng của ca nô không đổi.

Bài 7. Một lớp có 40 học sinh, trong đó nam nhiều hơn nữ. Trong giờ ra chơi, cô giáo đưa cả lớp 260 000 đồng để mỗi bạn nam mua một ly Coca giá 5000 đồng/ly, mỗi bạn nữ mua một bánh phở mai giá 8000 đồng/cái và được căng tin trả lại tiền thừa là 3000 đồng. Hỏi lớp có bao nhiêu học sinh nam và bao nhiêu học sinh nữ?

Dạng 3. Thống kê, xác suất

Bài 1. Nhiệt độ ở Hải Phòng trong ngày 7/ 1/ 2024 tại một thời điểm được thống kê trong bảng sau :

Thời điểm (h)	4	7	10	13	16	19
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	19	19	24	27	23	21

(Nguồn : <https://nchmf.gov.vn>)

a/ Vẽ biểu đồ cột biểu diễn các dữ liệu thống kê đó.

b/ Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn các dữ liệu thống kê đó.

c/ Hãy nhận xét về sự thay đổi nhiệt độ tại Hải Phòng trong các khoảng thời gian 4h – 7h; 7h – 10h; 10h – 13h; 13h – 16h; 16h – 19h.

Bài 2. Thời gian giải xong 1 bài tập (tính theo phút) của 30 học sinh được ghi lại trong bảng dưới đây:

5	8	8	9	7	8	9	10	10	5
6	6	6	8	8	9	8	7	5	10
8	8	10	5	8	6	7	8	9	7

a/ Lập bảng tần số của mẫu số liệu thống kê đó.

b/ Vẽ biểu đồ tần số ở dạng biểu đồ đoạn thẳng và biểu đồ cột của mẫu số liệu thống kê đó.

Bài 3. Số lần nhảy dây trong 1 phút của một số học sinh được ghi lại trong bảng như sau:

54	70	58	65	54	81	70	84	84	58
81	58	84	70	85	82	84	85	70	84
65	54	85	58	84	88	58	84	70	65
84	70	58	84	54	81	65	70	81	85

a/ Lập bảng tần số của mẫu số liệu thống kê đó.

b/ Vẽ biểu đồ tần số ở dạng biểu đồ đoạn thẳng và biểu đồ cột của mẫu số liệu thống kê đó.

c/ Lập bảng tần số tương đối của mẫu số liệu thống kê đó.

d/ Vẽ biểu đồ tần số tương đối ở dạng biểu đồ hình quạt tròn của mẫu số liệu thống kê đó.

Bài 4. Trong các số liệu thống kê dưới đây, người ta cho biết thành tích chạy 50m của học sinh lớp 9A ở một trường THCS (đơn vị: giây).

63	66	74	71	76	62	67	73	73	77	65	70	72	75	78	68
71	71	75	75	69	72	70	76	77	82	83	84	87	78	86	81

a/ Hãy ghép các số liệu thành bốn nhóm ứng với bốn nửa khoảng có độ dài bằng nhau.

b/ Tìm tần số của mỗi nhóm đó.

c/ Lập bảng tần số ghép nhóm của mẫu số liệu ghép nhóm đó.

Bài 5. Cho các số liệu thống kê ghi trong bảng sau: Thời gian (phút) đi từ nhà đến trường của bạn Nam trong 35 ngày

21	22	24	19	23	26	25
22	19	23	20	23	27	26
22	20	24	21	24	28	25
21	20	23	22	23	28	26
23	21	26	21	24	28	25

a/ Hãy ghép các số liệu trên thành năm nhóm sau : $[19,21)$; $[21,23)$; $[23,25)$; $[25,27)$; $[27,29)$. Tìm tần số của mỗi nhóm đó.

b/ Lập bảng tần số ghép nhóm của mẫu số liệu ghép nhóm đó.

c/ Lập bảng tần số tương đối ghép nhóm của mẫu số liệu ghép nhóm đó.

c/ Vẽ biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm ở dạng biểu đồ cột và biểu đồ đoạn thẳng của mẫu số liệu ghép nhóm đó.

Bài 6. Kết quả kiểm tra cuối học kì I môn toán của 30 học sinh lớp 9 G của một trường THCS được cho bởi bảng sau

9	8,5	5,5	6	4,5	6	6,5	5,5	7	8
2	1,5	0,5	1	6	6,5	5	8	9	9.5
6	6,5	5	5,5	3	3,5	6	4	5	5,5

a/ Hãy lập bảng tần số ghép nhóm và tần suất tương đối ghép nhóm của năm nhóm sau : $[0 ; 2)$; $[2 ; 4)$; $[4 ; 6)$; $[6;8)$; $[8;10)$.

b/ Vẽ biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm ở dạng biểu đồ cột và biểu đồ đoạn thẳng của mẫu số liệu ghép nhóm đó.

Bài 7. Một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm 6 phần bằng nhau và ghi các số 1, 2, 3, 4, 5, 6 ; chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Xét phép thử “Quay đĩa tròn một lần”.

a/ Viết không gian mẫu của phép thử đó.

b/ Tính xác suất của biến cố A : “Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chia hết cho 3 dư 1”.

Bài 8. Một hộp có 50 thẻ cùng loại , mỗi thẻ được ghi một trong các số 1; 2; 3; 4; 5;.....; 49; 50; hai thẻ khác nhau thì ghi số khác nhau .

Xét phép thử “Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp”.

a/ Liệt kê các kết quả có thể xảy ra đối với số xuất hiện trên thẻ được lấy ra.

b/ Viết không gian mẫu của phép thử đó.

c/ Tính xác suất của mỗi biến cố sau :

“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số lớn hơn 25”;

“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có chứa chữ số 3”;

Bài 9. Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số nhỏ hơn 100

a/ Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của phép thử trên ?

b/ Tính xác suất của mỗi biến cố sau :

- B: “Số tự nhiên được viết ra là số chẵn”;

- C: “Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên”.

Bài 10 Ba bạn nam Khải, Minh, Tâm và hai bạn nữ Linh, Nghi tham gia đội văn nghệ của lớp 9G. Cô giáo chọn ngẫu nhiên hai bạn để song ca.

a/ Liệt kê các cách chọn ngẫu nhiên hai bạn để song ca.

b/ Tính xác suất của mỗi biến cố sau :



D : “Trong hai bạn được chọn ra , có một bạn nam và một bạn nữ ”.

E : “Trong hai bạn được chọn ra có bạn Tâm”.

F : “Hai bạn được chọn ra đều là nam”.

G : “Hai bạn được chọn ra đều là nữ”.

PHẦN II. HÌNH HỌC

Bài 1

1) Hình quạt tô màu ở hình vẽ bên có bán kính bằng 25 cm và góc ở tâm bằng 140° .

a) Tính diện tích của hình quạt đó.

b) Tính chiều dài cung tương ứng với hình quạt tròn đó.

2) Bề mặt trên của một chiếc trống có dạng hình tròn đường kính 38 cm . Người ta cần thay cả hai mặt trống. Tính diện tích vật liệu tối thiểu cần sử dụng.

3) Hình vẽ bên dưới mô tả mặt cắt của chiếc đèn led có dạng hình vành khuyên màu trắng với bán kính các đường tròn lần lượt là 15 cm, 18 cm, 21 cm, 24 cm. Tính diện tích hai hình vành khuyên đó.



Bài 2. Cho (O), đường kính AB và lấy M thuộc (O). Tiếp tuyến tại M cắt tiếp tuyến tại A và B của (O) lần lượt ở C và D. Đường thẳng AM cắt OC tại E, đường thẳng BM cắt OD tại F. Gọi I là trung điểm của CD. Chứng minh:

1) 4 điểm A, C, M, O cùng thuộc một đường tròn

2) $CD = AC + BD$ và tính số đo góc COD

3) Tứ giác MEOF là hình chữ nhật và AB là tiếp tuyến của đường tròn đường kính CD.

Bài 3. Từ điểm M nằm ngoài đường tròn (O), kẻ hai tiếp tuyến MA, MB với đường tròn (O) (A và B là hai tiếp điểm). Kẻ đường kính AD của đường tròn (O), cắt AB tại H

1) Chứng minh bốn điểm M, A, O, B cùng thuộc một đường tròn.

2) Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng BD. Gọi K là giao điểm của OI và MB Chứng minh tứ giác OHBI là hình chữ nhật và KD là tiếp tuyến của đường tròn (O),

3) Đường thẳng qua O và vuông góc với MD cắt tia AB tại Q Chứng minh K là trung điểm của đoạn thẳng DQ

Bài 4: Cho tam giác ABC vuông tại A. Lấy điểm M bất kì trên đoạn AC, đường tròn đường kính CM cắt hai đường thẳng BM, BC lần lượt tại D, N. Chứng minh rằng:

a) Tứ giác ABCD nội tiếp.

b) $BM.BD = BN.BC$

c) Các đường thẳng AB, MN, CD cùng đi qua một điểm.

Bài 5. Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Kẻ $HD \perp AB$ tại D, $HE \perp AC$ tại E. Chứng minh:

a) Tứ giác ADHE nội tiếp.

b) $AD.AB = AE.AC$

c) $\angle AED = \angle ABC$

Bài 6: Cho hình vuông ABCD có độ dài cạnh bằng a. Góc vuông xAy thay đổi sao cho tia Ax cắt đoạn BC tại M và tia Ay cắt đoạn CD kéo dài tại N.

a) Chứng minh hai tam giác ABM và ADN bằng nhau.

b) Gọi O là trung điểm của MN. Chứng minh ABMO, ANDO là các tứ giác nội tiếp.

c) Chứng minh ba điểm B, D, O thẳng hàng.

Bài 7. Cho $\triangle ABC$ nhọn ($AB > AC$) nội tiếp $(O; R)$. Đường cao CE cắt (O) tại M . Gọi I là trung điểm của MB . Kẻ đường thẳng vuông góc với OE tại E cắt AC tại P , cắt MB tại Q .

a) Chứng minh O, I, Q, E cùng thuộc một đường tròn

b) Chứng minh: $MB \cdot EA = AC \cdot EM$

c) Gọi K là trung điểm của AC . Chứng minh Góc $EIM =$ góc EKA .

Bài 8. Cho đường tròn (O) đường kính AQ . Điểm H thuộc OQ . Vẽ dây MN vuông góc với AQ tại H . Điểm D thuộc cung nhỏ MQ . Đường thẳng DQ cắt AM, AN lần lượt tại B và C . Đường thẳng vuông góc với BC tại Q cắt MN tại I .

a) Chứng minh tam giác AMN cân

b) Chứng minh $BM \cdot BA = BD \cdot BQ$

c) Nối AI cắt BC tại K . Qua I kẻ đường thẳng vuông góc với QI tại I , cắt AB và AC lần lượt tại E và F . Chứng minh $IE = IF$ và $KB = KC$.

MÔN: TIN

1) Cấu trúc đề kiểm tra:

- Hình thức đề: Trắc nghiệm (25 câu gồm đầy đủ các dạng: câu hỏi nhiều lựa chọn, câu hỏi điền khuyết, câu hỏi đúng sai) và tự luận.
- Thời gian làm bài: 45 phút.

2) Câu hỏi ôn tập: Các dạng câu hỏi sau:

A – TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Phương án nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của công nghệ thông tin lên giáo dục?

- A. Rút ngắn khoảng cách, kết nối con người nhanh chóng.
- B. Cỗ vũ thái độ sống tích cực.
- C. Mở rộng phạm vi tiếp cận giáo dục.
- D. Dễ dàng chia sẻ kiến thức, kỹ năng.

Câu 2: Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực thế nào đến sức khoẻ thể chất của con người?

- A. Khiến con người trở nên thụ động.
- B. Gây giảm thị lực.
- C. Giảm tương tác giữa người với người.
- D. Thông tin giả tràn lan.

Câu 3: Kính viễn vọng không gian Hubble là ứng dụng của máy tính trong nghiên cứu

- A. vật lý.
- B. vũ trụ.
- C. giao thông.
- D. hoá học.

Câu 4: “*Não của chúng ta hoạt động ít dần vì sự xuất hiện của công nghệ cao*”, nhà thần kinh học Michael Merzenich cho biết trong cuốn sách “The Shallows: What The Internet Is Doing To Our Brains”, cảnh báo tác động của công nghệ đối với trí thông minh của con người, nguy hiểm tới mức không tưởng. Vậy theo em, công nghệ thông tin tác động lên não của chúng ta như thế nào?

- A. Đạo đức suy giảm.
- B. Tỷ lệ thất nghiệp tăng.
- C. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
- D. Giảm độ tập trung.

Câu 5: Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.
- B. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.
- C. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt ra.
- D. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.

Câu 6: Nguồn thông tin đáng tin cậy để tìm hiểu thông tin về kì thi tuyển sinh lớp 10 là

- A. trang web của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- B. mạng xã hội.
- C. trang web của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- D. thông tin từ bạn bè.

Câu 7: Khi tìm kiếm thông tin về Cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU năm học 2024 – 2025, bạn Minh đã không để ý đến thời hạn nộp bài dự thi nên đã bỏ lỡ cơ hội tham gia. Theo em, sơ suất này vi phạm tiêu chí nào về chất lượng thông tin?

- A. Tính đầy đủ.
- B. Tính chính xác.
- C. Tính mới.
- D. Tính sử dụng được.

Câu 8: Công nghệ kỹ thuật số có tác động tiêu cực đến quyền riêng tư như thế nào?

- A. Gây mất ngủ. B. Ít giao tiếp.
C. Thông tin cá nhân có thể bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp. D. Gây nghiện Internet.

Câu 9: Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đối với con người?

- A. Hạn chế hoặc tái sử dụng túi ni lông và vật dụng làm từ nhựa.
B. Ăn uống lành mạnh.
C. Dành nhiều thời gian để sinh hoạt chung với gia đình, chơi thể thao,...
D. Nằm khi dùng điện thoại.

Câu 10: Môi trường kinh doanh toàn cầu được tạo ra bởi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghiệp 4.0. Dưới sự phát triển bùng nổ của thời đại Internet, công nghiệp 4.0 trong thời đại này đã tạo ra những phát minh thay đổi hoàn toàn cách các doanh nghiệp vận hành. Em hãy tìm hiểu thông tin trên Internet và cho biết công nghệ nào cho phép người dùng có thể sử dụng các dịch vụ lưu trữ thông tin nhờ vào các nhà cung cấp như Facebook, Office 365, YouTube,...?

- A. Trí tuệ nhân tạo (AI). B. Điện toán đám mây (Cloud Computing).
C. Khai phá dữ liệu (Data Mining). D. Internet vạn vật (Internet of Things).

Câu 11: Phần mềm mô phỏng pha màu trực tuyến là

- A. <https://mixcolors.com>. B. <https://simulatecolors.com>.
C. <https://colors.com>. D. <https://trycolors.com>.

Câu 12: Em **không** thể làm gì với phần mềm mô phỏng pha màu?

- A. Tăng giảm tỉ lệ các màu. B. Thêm màu.
C. Chọn màu. D. Xem màu kết quả được tạo ra trên màn hình.

Câu 13: Em có thể tạo bài trình chiếu để trình bày thông tin bằng phần mềm nào?

- A. Microsoft Word. B. Microsoft Outlook.
C. Microsoft PowerPoint. D. Microsoft OneNote.

Câu 14: Nếu trình bày tiến trình lịch sử thì loại sơ đồ nào sẽ phát huy hiệu quả?

- A. Sơ đồ dòng thời gian. B. Sơ đồ quy trình.
C. Sơ đồ vòng đời. D. Sơ đồ luồng dữ liệu.

Câu 15: Khi tạo sơ đồ tư duy về CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945), em nên đính kèm loại dữ liệu nào ở nhánh *Nguyên nhân dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai*?

- A. Hình ảnh. B. Video. C. Văn bản. D. Trang tính.

Câu 16: Em hãy cho biết phương án nào sau đây là phần mềm tạo sơ đồ tư duy?

- A. Rhino. B. Audacity. C. Yandex. D. Freeplane.

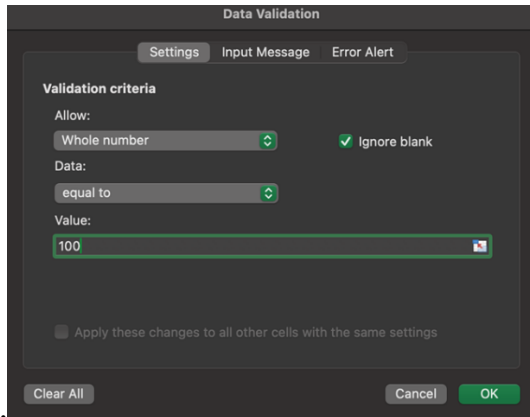
Câu 17: Ưu điểm nổi bật của phần mềm bảng tính là gì?

- A. Tự động xác thực dữ liệu. B. Tự động phân tích dữ liệu.
C. Tự động lưu trữ dữ liệu. D. Tự động xử lý dữ liệu.

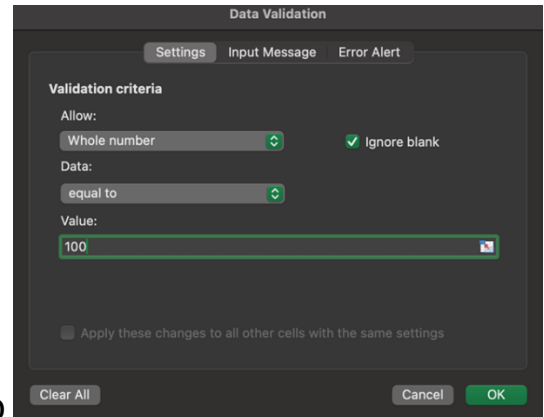
Câu 18: Khi xác thực dữ liệu cho một cột chỉ chấp nhận kiểu số nhỏ hơn hoặc bằng 100 thì cần nhập các yêu cầu xác thực dữ liệu như thế nào?

A.

B.



C.



D.

Câu 19: Công cụ xác thực dữ liệu có chức năng gì?

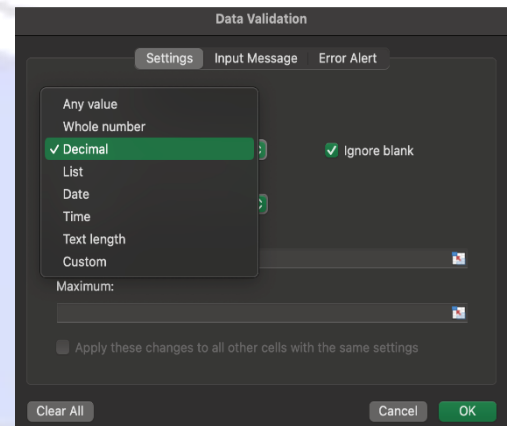
- A. Kiểm tra độ chính xác của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
- B. Hạn chế loại dữ liệu hoặc giá trị của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
- C. Xác thực danh tính người sử dụng phần mềm.
- D. Loại bỏ dữ liệu sai khỏi bảng tính.

Câu 20: Tập bảng tính có phần mở rộng là gì?

- A. .docx.
- B. .pptx.
- C. .xml.
- D. .xlsx.

Câu 21: Ý nghĩa của kiểu dữ liệu **Decimal** trong hình dưới đây là gì?

- A. Số nguyên – ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên.
- B. Ngày tháng – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu ngày tháng.
- C. Số thập phân – ô tính chỉ chấp nhận các số thập phân.
- D. Thời gian – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu thời gian.



Câu 22: Công thức chung của hàm COUNTIF là

- A. COUNTIF(range, criteria).
- B. =COUNTIF(criteria, range).
- C. COUNTIF(criteria, range).
- D. =COUNTIF(range, criteria).

Câu 23: Công thức tính để đếm số ô trong vùng C1:C6 chứa từ "The" là

- A. =COUNT(C1:C6,"The").
- B. =COUNTIF(C1:C6,The).
- C. =COUNTIF(C1:C6,"The").
- D. =COUNT(C1:C6,The).

Câu 24: Công thức tính để đếm số ô trong vùng A2:A8 chứa giá trị số nhỏ hơn 90 là

- A. =COUNTIF(A2:A8,"<90").
- B. =COUNTIF(A2:A8,">90").
- C. =COUNTIF(A2:A8,>90).
- D. =COUNTIF(A2:A8,<90).

Câu 25: Công thức tính để đếm số ô trong vùng B3:B5 chứa giá trị giống như ô E7 là

- A. =COUNT(B3:B5,E7).
- B. =COUNTIF(B3:B5,"=E7").
- C. =COUNTIF(B3:B5,"E7").
- D. =COUNTIF(B3:B5,E7).

Câu 26: Công thức tính để đếm số ô trong vùng F2:F9 chứa xâu kí tự bắt đầu bằng chữ cái N là

- A. =COUNTIF(F2:F9,"N").
- B. =COUNTIF(F2:F9,"N_").
- C. =COUNTIF(F2:F9,"N*").
- D. =COUNTIF(F2:F9,N*).

Câu 27: Công thức tính để đếm số ô trong vùng E4:E11 chứa giá trị số khác giá trị trong ô C5 là

- A. =COUNTIF(E4:E11,"#"&C5).
- B. =COUNTIF(E4:E11,"!="&C5).
- C. =COUNTIF(E4:E11,""&C5).
- D. =COUNTIF(E4:E11,"<>"&C5).

Câu 28: Công thức tính để đếm số ô trong vùng A7:A20 chứa từ có đúng 3 kí tự và kết thúc bằng "an" là

- A. =COUNTIF(A7:A20,"*an").
- B. =COUNTIF(A7:A20,"?an").
- C. =COUNTIF(A7:A20,"_an").
- D. =COUNTIF(A7:A20," an").

Câu 29: Trong công thức chung của SUMIF, tham số **sum_range** có ý nghĩa gì?

- A. Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng, nếu sum_range bị bỏ qua thì tính tổng các ô trong tham số range thoả mãn điều kiện.

- B. Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số range.
 C. Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số criteria.
 D. Điều kiện kiểm tra.

Câu 30: Công thức chung của hàm SUMIF là

- A. =SUMIF(criteria, [sum_range], range). B. =SUMIF(range, [sum_range], criteria).
 C. =SUMIF(range, criteria, [sum_range]). D. =SUMIF(criteria, range, [sum_range]).

Câu 31: Công thức tính tổng các giá trị nhỏ hơn 100 trong vùng B2:B6 là

- A. =SUM(B2:B6, "<100"). B. =SUMIF(B2:B6, "<100").
 C. =SUMIF(B2:B6, ">100"). D. =SUMIF(B2:B6, <100).

Câu 32: Công thức tính tổng các giá trị trong vùng C4:C10 với các ô tương ứng trong vùng A4:A10 có giá trị là "SGK" là

- A. =SUMIF(C4:C10, "SGK", A4:A10). B. =SUMIF(A4:A10, SGK, C4:C10).
 C. =SUM(A4:A10, "SGK", C4:C10). D. =SUMIF(A4:A10, "SGK", C4:C10).

Câu 33: Công thức cần nhập vào ô G7 là gì?

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Chi tiêu					Khoản chi	Số lần chi	Tổng tiền (nghìn đồng)
2	Ngày	Khoản chi	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)		Ở		
3	15/07/2023	Sức khỏe	Khám sức khỏe tổng quát	3,000		Ăn		
4	15/07/2023	Học tập	Học phí tháng 7	1,500		Di chuyển		
5	18/07/2023	Ăn	Tiền ăn tháng 7	8,000		Học tập		
6	20/07/2023	Giải trí	Du lịch	10,000		Sức khỏe		
7	24/07/2023	Di chuyển	Gửi xe, xăng xe	600		Giải trí		
8	25/07/2023	Tiết kiệm	Tiền tiết kiệm tháng 7	2,000		Quà tặng/Từ thiện		
9	31/07/2023	Ở	Tiền điện tháng 7	2,200		Tiết kiệm		
10	31/07/2023	Ở	Tiền nước tháng 7	900		Khác		

- A. =SUMIF(B3:B10, Giải trí, D3:D10). B. =COUNTIF(F2:F10, G7).
 C. =SUMIF(B3:B10, F7, D3:D10). D. =COUNTIF(B3:B10, "Giải trí").

Câu 34: Công thức tính tổng các giá trị trong vùng E2:E10 với các ô tương ứng trong vùng A2:A10 có giá trị lớn hơn giá trị tại ô B6 là

- A. =SUMIF(A2:A10, ">" & B6, E2:E10). B. =SUMIF(A2:A10, ">B6", E2:E10).
 C. =SUMIF(A2:A10, ">" + B6, E2:E10). D. =SUMIF(E2:E10, ">" & B6, A2:A10).

Câu 35: Trong công thức chung của IF, tham số **logical_test** có ý nghĩa gì?

- A. Điều kiện kiểm tra. B. Giá trị trả về nếu điều kiện là sai.
 C. Giá trị trả về nếu điều kiện là đúng. D. Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng.

Câu 36: Trong công thức chung của IF, tham số **value_if_true** có ý nghĩa gì?

- A. Giá trị trả về nếu điều kiện là sai. B. Phạm vi chứa các giá trị không hợp lệ.
 C. Giá trị trả về nếu điều kiện là đúng. D. Điều kiện kiểm tra.

Câu 37: Công thức chung của hàm IF là

- A. =IF(logical_test, [value_if_false], [value_if_true]).
 B. =IF([value_if_false], [value_if_true], logical_test).
 C. =IF([value_if_true], [value_if_false], logical_test).
 D. =IF(logical_test, [value_if_true], [value_if_false]).

Câu 38: Em có thể sử dụng quy tắc quản lý tài chính nào để biết việc chi tiêu đã cân đối, hợp lý hay chưa dựa trên số liệu tổng hợp?

- A. Quy tắc 50-50. B. Quy tắc 50-30-20.
 C. Quy tắc 50-20-30. D. Quy tắc 20-30-50.

Quan sát hình sau đây và trả lời câu hỏi 42, 43

	F	G	H	I	J	K	L	M	N
1	Khoản chi	Số lần chi	Tổng tiền (nghìn đồng)	Mục chi		Tổng hợp mục chi			
2	Ở	2	3,100	A		Mục chi	Nội dung	Tổng tiền (nghìn đồng)	Tỉ lệ
3	Ăn	1	8,000	A		A	Nhu cầu thiết yếu		
4	Di chuyển	1	600	A		B	Mong muốn cá nhân		
5	Học tập	1	1,500	A		C	Tiết kiệm		
6	Sức khỏe	1	3,000	A					
7	Giải trí	1	10,000	B					
8	Quà tặng/Từ thiện	1	0	B					
9	Tiết kiệm	1	2,000	C					
10	Khác	0	0	B					
11	Tổng								

Câu 39: Công thức tính tổng số tiền ở ô I11 là

A. =SUM(H2:H10).

B. =SUMIF(H2:H10).

C. =COUNT(H2:H10).

D. =COUNTIF(H2:H10)

Câu 40: Công thức tính tổng tiền của mục chi **Mong muốn cá nhân** là

A. =COUNTIF(I2:I10,K4,H2:H10)

B. =SUMIF(I2:I10,L4,H2:H10)

C. =SUMIF(I2:I10,B,H2:H10)

D. =SUMIF(I2:I10,K4,H2:H10)

B – TỰ LUẬN:

Câu 1.

a) Em hãy nêu ưu điểm của việc sử dụng bảng tính để quản lý tài chính gia đình.

b) Bảng tính quản lý tài chính gia đình gồm hai trang tính là Thu và Chi hoặc có thể gộp hai trang tính Thu, Chi vào cùng một trang tính. Nêu các loại dữ liệu, cấu trúc bảng dữ liệu được lưu trữ trong trang tính nói trên.

Câu 2. Quy tắc 50-30-20 là gì?

Câu 3. Cho bảng chi tiêu trong một tháng của một người như sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	Chi tiêu					Khoản chi	Số lần chi
2	Ngày	Khoản chi	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)		Tiền điện tháng 4	
3	1/4/2024	Ở	Tiền điện tháng 4	1000		Tiền đi khám	
4	1/4/2024	Sức khỏe	Tiền đi khám	725		Học phí học kì I	
5	1/4/2024	Học tập	Học phí học kì I	7000		Quà tặng sinh nhật	
6	1/4/2024	Quà tặng	Quà tặng sinh nhật	300		Gửi xe, xăng xe	
7	1/4/2024	Di chuyển	Gửi xe, xăng xe	500		Tiền ăn tháng 4	
8	1/4/2024	Ăn	Tiền ăn tháng 4	900		Tiết kiệm tháng 4	
9	1/4/2024	Tiết kiệm	Tiết kiệm tháng 4	500		Khác	
10	1/4/2024	Ở	Tiền nước tháng 4	100			

Hãy viết công thức hàm COUNTIF phù hợp để điền vào cột Số lần chi. Kết quả hiển thị ra sau khi nhập công thức là gì?

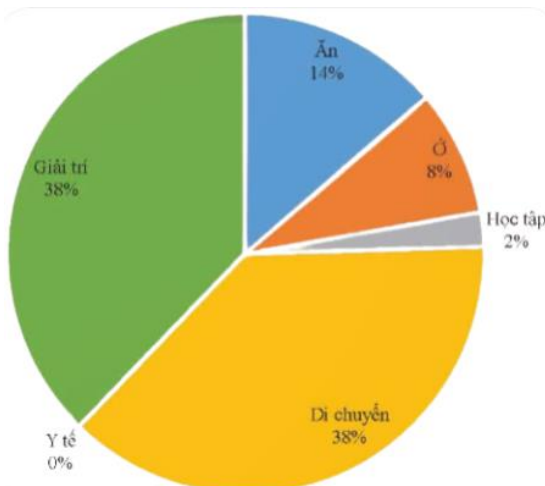
Câu 4. Cho bảng dữ liệu tính số tiền thưởng cho các đại lý của một nhãn hàng bánh kẹo như sau:

	A	B	C	D
1	Đại lý	Doanh thu (triệu đồng)	Tỉ lệ thưởng	Số tiền (triệu đồng)
2	A	10		
3	B	15		
4	C	20		
5	D	18		

a) Sử dụng hàm IF để viết công thức tính tỉ lệ thưởng cho các đại lý. Biết với mức doanh thu trên 16 triệu thì tỉ lệ thưởng là 4%, còn không thì tỉ lệ thưởng là 1%.

b) Hãy cho biết kết quả hiển thị ở cột số tiền. Biết $Số tiền = Doanh thu \times Tỉ lệ$.

Câu 5. Cho biểu đồ tỉ lệ phần trăm các khoản chi của một người như sau:



Dựa theo quy tắc 50-30-20, em hãy cho biết người đó đã chi tiêu cân đối và hợp lí chưa? Vì sao?

MÔN: KHTN

PHẦN I: LÝ THUYẾT

Phạm vi ôn tập: Bài 13, 23 - 25, 43-45

- Năng lượng của dòng điện và công suất điện.
- Alkane, Akene.
- Nguồn nhiên liệu.
- Nguyên phân và giảm phân.
- Nhiễm sắc thể giới tính và cơ chế xác định giới tính.
- Di truyền liên kết

PHẦN II. BÀI TẬP

Các dạng bài tập minh họa:

I. Trắc nghiệm

Dạng 1 : Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây về alkane là **không** đúng?

- Trong phân tử alkane chỉ có liên kết đơn.
- Chỉ các alkane là chất khí ở điều kiện thường được dùng làm nhiên liệu.
- Các alkane lỏng được dùng sản xuất xăng, dầu và làm dung môi.
- Công thức chung của alkane là C_nH_{2n+2} , với $n \geq 1$.

Câu 2. Cho phương trình hóa học: $2X + 7O_2 \xrightarrow{t^o} 4CO_2 + 6H_2O$. X là :

- C_2H_2 .
- C_2H_4 .
- C_2H_6 .
- C_6H_6 .

Câu 3. Biogas là một loại khí sinh học, được sản xuất bằng cách ủ kín các chất thải hữu cơ trong chăn nuôi, sinh hoạt. Biogas được dùng để đun nấu, chạy máy phát điện sinh hoạt gia đình. Thành phần chính của biogas là

- N_2 .
- CO_2 .
- CH_4 .
- NH_3 .

Câu 4. Phương pháp nào sau đây có thể được thực hiện để góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường do các phương tiện giao thông gây ra?

- Không sử dụng phương tiện giao thông.
- Cấm các phương tiện giao thông tại các đô thị.

C. Sử dụng phương tiện chạy bằng điện hoặc nhiên liệu xanh.

D. Sử dụng các phương tiện chạy bằng than đá.

Câu 5. Công thức phân tử của ethylene là

A. C_2H_4 .

B. C_2H_6 .

C. CH_4 .

D. C_2H_2 .

Câu 6. Đốt cháy chất nào sau đây cho số mol CO_2 bằng số mol H_2O ?

A. CH_4 .

B. C_2H_4 .

C. C_2H_2 .

D. C_6H_6 .

Câu 7. Chất làm mất màu dung dịch bromine là

A. CH_4 .

B. $CH_2 = CH - CH_3$.

C. $CH_3 - CH_3$.

D. $CH_3 - CH_2 - CH_3$

Câu 8. Dầu mỏ là

A. một hydrocarbon.

B. một hợp chất hữu cơ.

C. hỗn hợp tự nhiên của nhiều hydrocarbon.

D. chất béo.

Câu 9. Những chất cháy được, khi cháy toả nhiệt và phát sáng được gọi là

A. nguyên liệu.

B. nhiên liệu.

C. vật liệu.

D. điện năng.

Câu 10. Trong số các cách chữa cháy sau, có mấy cách chữa cháy do xăng dầu gây ra?

(a) Phun nước vào ngọn lửa;

(b) Dùng chăn ướt trùm lên ngọn lửa;

(c) Phủ cát vào ngọn lửa;

(d) Dùng bình chữa cháy.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 11: Công suất điện cho biết:

A. Khả năng thực hiện công của dòng điện.

B. Năng lượng của dòng điện.

C. Năng lượng của dòng điện chạy qua 1 đoạn mạch trong một đơn vị thời gian.

D. Mức độ mạnh - yếu của dòng điện.

Câu 12. Công suất điện định mức của một thiết bị điện cho biết điều gì?

A. Công suất mà thiết bị đó tiêu thụ khi hoạt động bình thường.

B. Hiệu điện thế mà thiết bị đó tiêu thụ khi hoạt động bình thường.

C. Năng lượng điện mà thiết bị đó tiêu thụ khi hoạt động bình thường.

D. Cơ năng mà thiết bị đó tiêu thụ khi hoạt động bình thường.

Câu 13. Trên nhiều dụng cụ điện trong gia đình thường có ghi 220V và số oát W. Số oát này có ý nghĩa gì?

A. Công suất tiêu thụ điện của dụng cụ khi nó được sử dụng với những hiệu điện thế nhỏ hơn 220V.

B. Công suất tiêu thụ điện của dụng cụ khi nó được sử dụng với đúng hiệu điện thế 220V.

C. Công mà dòng điện thực hiện trong một phút khi dụng cụ này được sử dụng với đúng hiệu điện thế 220V.

D. Điện năng mà dụng cụ tiêu thụ trong một giờ khi nó được sử dụng với đúng hiệu điện thế 220V.

Câu 14. Một bóng đèn có ghi 220V - 60W mắc vào một nguồn điện. Khi đó cường độ dòng điện qua đèn là 0,18A thì ta thấy đèn sáng:

A. bình thường. B. sáng yếu. C. sáng mạnh. D. không sáng.

Câu 15. Bóng đèn có điện trở 8Ω và cường độ dòng điện định mức là 2A. Tính công suất định mức của bóng đèn?

A. 32W. B. 16W. C. 4W. D. 0,5W.

Câu 16. Năng lượng điện trên 1 đoạn mạch chuyển hóa thành các dạng năng lượng khác được tính bằng công thức nào?

A. $W = I.R.t$. B. $W = I.U.t$. C. $W = I^2.R.t$. D. $W = I.U^2.t$.

Câu 17. Chọn phát biểu đúng về sự chuyển hóa năng lượng trong các dụng cụ dưới đây?

- A. Đèn LED: quang năng biến đổi thành nhiệt năng.
- B. Nồi cơm điện: Nhiệt năng biến đổi thành điện năng.
- C. Quạt điện: Điện năng biến đổi thành cơ năng và nhiệt năng.
- D. Máy bơm nước: Cơ năng biến đổi thành điện năng và nhiệt năng.

Câu 18. Đơn vị nào dưới đây là đơn vị của năng lượng điện?

A. Jun (J). B. Niuton (N). C. Kiloat giờ (Wh). D. Ôm (Ω).

Câu 19. Tính năng lượng điện của một ấm siêu tốc trong thời gian 10 giây. Biết hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn là 12V và cường độ dòng điện chạy qua là 0,5A.

A. $W = 6J$. B. $W = 60J$. C. $W = 600J$. D. $W = 0,6J$.

Câu 20. Một bóng đèn có ghi 220 V - 100 W được mắc vào hiệu điện thế 220 V. Biết đèn được sử dụng trung bình 4 giờ một ngày. Điện năng tiêu thụ của bóng đèn này trong 30 ngày là bao nhiêu?

A. 12 kW.h. B. 400 kW.h. C. 1 440 kW.h. D. 43 200 kW.h.

Câu 21: Giảm phân và nguyên phân giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

- A. đều có 2 lần phân bào liên tiếp.
- B. đều có 1 lần nhân đôi nhiễm sắc thể.
- C. đều có sự tiếp hợp giữa các nhiễm sắc thể tương đồng.
- D. đều có sự trao đổi chéo giữa các nhiễm sắc thể tương đồng.

Câu 22: Kết thúc giảm phân, một tế bào sinh tinh sẽ tạo ra

A. 4 tinh trùng. B. 1 tinh trùng C. 2 tinh trùng. D. 3 tinh trùng.

Câu 23: Kết thúc giảm phân, một tế bào sinh trứng sẽ tạo ra

A. 4 tế bào trứng. B. 2 tế bào trứng và 2 thể cực.

C. 1 tế bào trứng và 3 thể cực. D. 3 tế bào trứng và 1 thể cực.

Câu 24: Bộ nhiễm sắc thể của loài sinh sản hữu tính được duy trì ổn định qua các thế hệ là nhờ

- A. sự phối hợp của quá trình nguyên phân và giảm phân.
- B. sự phối hợp của quá trình nguyên phân và thụ tinh.
- C. sự phối hợp của quá trình giảm phân và thụ tinh.
- D. sự phối hợp của quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

Câu 25: Điểm giống nhau về NST giới tính ở tất cả các loài sinh vật phân tính là

- A. luôn giống nhau giữa cá thể đực và cá thể cái.
- B. đều chỉ có một cặp trong tế bào 2n.
- C. đều là cặp XX ở giới cái.
- D. đều là cặp XY ở giới đực.

Câu 26: Đặc điểm của NST giới tính là

- A. có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng.
- B. có 1 đến 2 cặp trong tế bào.
- C. số cặp trong tế bào thay đổi tùy loại.

D. luôn chỉ có một cặp trong tế bào sinh dưỡng.

Câu 27: Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về nhiệt độ ấp trứng của loài rùa xanh?

A. Nhiệt độ ấp dưới $28,5^{\circ}\text{C}$ trứng nở thành con đực.

B. Nhiệt độ ấp trên $30,3^{\circ}\text{C}$ trứng nở thành con cái.

C. Nhiệt độ ấp trong khoảng từ $28,5^{\circ}\text{C}$ đến $30,3^{\circ}\text{C}$ số trứng nở thành con đực tương đương số trứng nở thành con cái.

D. Nhiệt độ ấp trong khoảng từ $28,5^{\circ}\text{C}$ đến $30,3^{\circ}\text{C}$ số trứng nở thành con đực nhiều hơn rất nhiều số trứng nở thành con cái.

Câu 28: Ruồi giấm đực có kiểu gene Bv/bv (di truyền liên kết) cho mấy loại giao tử?

A. 2 loại: Bv, bv.

B. 4 loại: BV, Bv, bV, bv.

C. 2 loại: Bb, Vv.

D. Không cho giao tử nào.

Câu 29: Khi cho giao phối ruồi giấm thuần chủng có thân xám, cánh dài với ruồi giấm thuần chủng thân đen, cánh ngắn thì ở F_1 thu được ruồi có kiểu hình:

A. đều có thân xám, cánh dài.

B. đều có thân đen, cánh ngắn.

C. thân xám, cánh dài và thân đen, cánh ngắn.

D. thân xám, cánh ngắn và thân đen, cánh dài.

Câu 30: Di truyền liên kết là

A. hiện tượng nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau, được quy định bởi các gene trên một NST cùng phân li trong quá trình phân bào.

B. hiện tượng nhóm gene được di truyền cùng nhau, quy định một tính trạng.

C. hiện tượng nhiều gene không allele cùng nằm trên 1 NST.

D. hiện tượng nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau, được quy định bởi các gene trên các cặp NST tương đồng khác nhau.

Dạng 2 : Trắc nghiệm trả lời đúng – sai.

Chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi ý

Câu 1: Các alkane thường được sử dụng làm nhiên liệu.

Nhận định	Đúng	Sai
a. Propane là một alkane ít khi được dùng làm nhiên liệu cho bếp gas.		
b. Methane không bao giờ được sử dụng làm nhiên liệu.		
c. Butane là một alkane dùng làm nhiên liệu trong các bình gas di động.		
d. Để sử dụng alkane làm nhiên liệu hiệu quả, cần kiểm soát quá trình cháy để tránh ô nhiễm môi trường.		

Câu 2: Ethylene là một alkene

Nhận định	Đúng	Sai
a. Công thức cấu tạo thu gọn của ethylene là $\text{CH}_2\text{-CH}_2$.		
b. Trong phân tử ethylene, giữa hai nguyên tử carbon có một liên kết đôi.		
c. Ethylene chỉ có phản ứng cháy.		
d. Liên kết đôi trong ethylene bao gồm một liên kết sigma và một liên kết pi, tạo ra cấu trúc phẳng và các tính chất hóa học đặc trưng.		

Câu 3: Trên bóng đèn dây tóc Đ₁ có ghi 220V – 100W. Trên bóng đèn dây tóc Đ₂ có ghi 220V – 75W. Mắc hai bóng đèn song song với nhau rồi mắc đoạn mạch này vào hiệu điện thế 220V.

Phát biểu	Đúng	Sai
a. Điện trở của dây tóc bóng đèn Đ ₁ là 484Ω.		
b. Điện trở của dây tóc bóng đèn Đ ₂ là 645,3Ω.		
c. Điện trở tương đương của đoạn mạch mắc song song: 161,3Ω.		
d. Công suất của đoạn mạch là: 175W.		

Câu 4: Trên một bóng đèn có ghi 12V – 6W

Phát biểu	Đúng	Sai
a. Số 12V cho biết hiệu điện thế định mức cần đặt vào hai đầu bóng đèn để đèn sáng bình thường.		
b. Số 6W cho biết công suất định mức của đèn.		
c. Cường độ định mức của dòng điện chạy qua đèn là 2A.		
d. Điện trở của đèn khi đó là: $R = 24\Omega$.		

Câu 5. Các nhận định trong bảng sau đúng hay sai?

Nhận định	Đúng	Sai
a. Tiếp hợp và trao đổi chéo ở NST xảy ra ở kì giữa giảm phân 1		
b. Giao tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội		
c. Kì giữa giảm phân 2 có 2 hàng nhiễm sắc thể trên mặt phẳng xích đạo		
d. Sau 1 lần nguyên phân tạo ra 2 tế bào con giống tế bào mẹ		
e. Số lượng tế bào tinh trùng luôn nhiều hơn số lượng tế bào trứng		
f. Nhiễm sắc thể nhân đôi ở pha S kì trung gian		
g. Kì sau giảm phân 2 nhiễm sắc thể kép tách ra thành các nhiễm sắc đơn.		
h. Kì đầu nguyên phân có 4n Nhiễm sắc thể đơn.		

Dạng 3: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1.

- Đốt hoàn toàn 12 gam than chứa 98% carbon. Tỏa ra nhiệt lượng là Q (kJ) (Biết rằng khi đốt 1 mol carbon cháy tỏa ra 394 kJ nhiệt lượng). Xác định giá trị của Q.
- Phần trăm khối lượng carbon trong C₄H₁₀ là bao nhiêu?
- Tính khối lượng khí ethylene cần dùng để phản ứng hết 8 gam bromine trong dung dịch.
- Tính thể tích oxygen cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 10 lít khí thiên nhiên chứa 96% methane; 2% nitrogen và 2% khí carbon dioxide là (các thể tích khí đo trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất).

II. Tự Luận

Câu 1. Đốt cháy 3 gam chất hữu cơ A, thu được 8,8g khí CO₂ và 5,4g H₂O

- Trong chất hữu cơ A có những nguyên tố nào?
- Biết phân tử khối của A nhỏ hơn 40. Tìm công thức phân tử của A.
- Chất A có làm mất màu dung dịch bromine không?

Câu 2. Một quạt điện dùng trên xe ô tô có ghi 12 V – 15 W.

- Cần phải mắc quạt vào hiệu điện thế là bao nhiêu để nó chạy bình thường? Tính điện trở của quạt và cường độ dòng điện chạy qua quạt khi đó?
- Tính điện năng mà quạt sử dụng trong một giờ khi chạy bình thường theo đơn vị J và kWh?

Câu 3.

- Có 5 tế bào sinh dưỡng của một loài nguyên phân liên tiếp một số lần tạo ra được 40 tế bào con. Tế bào trên đã trải qua mấy lần nguyên phân?
- Một hợp tử của gà ($2n = 78$) nguyên phân một số lần liên tiếp, các tế bào con của hợp tử trên đã chứa tất cả 624 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi. Hãy xác định:
Số lần nguyên phân của hợp tử ? Số NST trong các TB có nguyên liệu hoàn toàn mới?
- 2 tế bào nguyên phân liên tiếp một số lần. Môi trường cung cấp 112 NST trong quá trình nguyên phân. Hỏi NST được tạo ra trong tế bào cả tế bào sau lần nguyên phân thứ 2.
- Một hợp tử của gà ($2n = 78$) nguyên phân một số lần liên tiếp, các tế bào con của hợp tử trên đã chứa tất cả 624 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi. Số NST trong các TB có nguyên liệu hoàn toàn mới.

MÔN: NGỮ VĂN

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Nội dung ôn tập

- Truyện ngắn, truyện trinh thám
- Thơ
- Chú ý: phạm vi ngữ liệu là văn bản ngoài SGK

2. Yêu cầu

- **Truyện ngắn hiện đại:** Nhận biết được ngôi kể, nhân vật, tình huống, nội dung, chủ đề của truyện, đặc điểm nhân vật, nghệ thuật xây dựng truyện.
- **Truyện trinh thám:** Nhận biết được không gian hiện trường, thời gian cụ thể, sự kiện trung tâm- vụ án và hành trình phá án; hệ thống nhân vật: thủ phạm, nạn nhân, người điều tra; các chi tiết bí ẩn, li kì.
- **Thơ :** Thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ
+ Nhận biết được đặc trưng thể loại (số dòng, số tiếng, vần và nhịp)
+ Xác định đề tài, chủ đề của văn bản
+ Lý giải, phân tích, cảm nhận được giá trị của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật,... trong văn bản.

II. PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

1. Nội dung ôn tập

- Các phép tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, nói giảm nói tránh,...
- Câu đơn, câu ghép; lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép

2. Yêu cầu

- Nhận biết, lý giải và phân tích vai trò, tác dụng của kiến thức Tiếng Việt trong văn bản.
- Vận dụng sử dụng câu cho hợp lý.

III. VIẾT

- Viết đoạn văn nghị luận văn học: phân tích đoạn thơ; phân tích truyện (nội dung, nghệ thuật- dung lượng 200 chữ)
- Viết bài văn nghị luận xã hội khoảng 400 chữ.

B. BÀI TẬP THAM KHẢO**NGƯỜI PHẢI CHẾT**

(**Lược dẫn:** Mọi người tập trung rất đông ở trước Đông Dương đại học đường để chờ đón vị bác sĩ trẻ tài ba Trần Thế Đoàn nhưng đã quá giờ mà chưa thấy anh ta đâu. Có người cho rằng “Anh này có vẻ một danh nhân muốn cho mọi người chờ đợi mình...” Trong số những người đứng chờ ở đó có một phóng viên trẻ tuổi – Lê Phong. Không để ý đến vẻ náo động của đám đông, anh ta cứ đi đi lại lại một cách lơ đãng, thỉnh thoảng đứng lại biên mấy chữ lên một cuốn sổ tay. Rồi lại thản nhiên lững thững đi trong phòng như đi giữa chỗ vắng. Tuy vậy, ai nhận kỹ, cũng thấy đôi mắt anh ta vẫn tinh nhanh và quan sát từng cử chỉ của mọi người, quan sát rất chòng nhưng rất chu đáo. Nét mặt linh động với cái miệng mím lại chốc chốc thoáng qua. Rồi người bác sĩ họ Trần cũng đến, một cuộc phỏng vấn chớp nhoáng trong 3 phút đã diễn ra....)

Người thiếu niên bỗng hỏi một câu đột nhiên:

- Lúc này ông ở nhà viết một bức thư dài phải không ? Ông cần viết đến nỗi chút nữa thì lỡ mất một việc quan trọng là hôm nay có cuộc phát bằng long trọng.

Đoàn kinh ngạc nhìn người thiếu niên thì anh ta tiếp:

- Mà lại vừa nhận được một bức thư lạ, một bức thư làm cho ông bối rối có phải không?

Vẻ kinh ngạc của Đoàn lại càng rõ rệt, nhưng người thiếu niên cứ bình tĩnh nói, tiếng hạ thấp, có ý chỉ riêng Đoàn nghe.

- Thưa ông, bức thư ấy nói những gì, xin ông cho biết.

Bây giờ Đoàn mới trấn định được tâm trí, hỏi lại người thiếu niên:

- Những điều ấy có liên lạc gì với việc ông phỏng vấn tôi?

- Vâng! Không có liên lạc gì, hay chỉ liên lạc ít thôi, nhưng đó là điều rất quan hệ. Thưa ông Trần Thế Đoàn, xin ông nghe tôi và trả lời cho tôi rành mạch. Ông có những kẻ thù ghê gớm toan hại ông, những kẻ thù ấy ông có biết không và nếu biết, ông có rõ được một chút gì về mưu mô của họ không?

Đoàn lúc ấy lại nhìn người thiếu niên một cách rất kỳ dị, chưa kịp đáp thì anh ta lại nói:

- Xin ông cho biết, đó là những điều cực kỳ quan trọng, vì. . .

Đoàn bỗng hỏi:

- Nhưng ông là ai?

- Tôi là phóng viên báo “Thời Thế”.

- Vâng. Nhưng là người... Tên ông là gì?

- Tên tôi là Lê Phong, và là người rất có cảm tình với ông.

- Ông Lê Phong! Tôi vẫn biết tiếng ông... Tôi định đến thăm ông để hỏi những việc riêng và cần ông giúp.

Lê Phong đáp:

- Càng hay, vì những việc riêng ấy chính lúc này là lúc ông nên nói ra.

- Không, tôi không nói ở đây được xin mời ông lại chơi nhà hay chốc nữa ra, tôi sẽ xin đến báo "Thời Thế". Bây giờ (Đoàn nhìn đồng hồ) bây giờ gần đến giờ rồi, xin lỗi ông. À mà tại sao ông biết?

- Biết gì kia?

- Biết các điều ông hỏi tôi. Ông biết từ bao giờ?

-Vừa rồi.

-...?...?

- Vâng. Vết mực ở ngón tay ông, ông viết bức thư dài, ông chưa kịp rửa tay, và đến muộn, còn bức thư mới nhận được, ông nhét nó vào túi áo một cách cồng kềnh vội vã đến nỗi để tôi trông thấy mé phong bì nhô lên. . . Còn về những kẻ thù của ông thì tôi cũng vừa mới thấy trong lúc tôi nói chuyện với ông, tôi vẫn để ý đến hai người lạ mặt đứng cách đây ngót 10 thước và nhìn ông một cách hằn học không biết ngần nào. Chúng lẫn xa rồi.

Nhưng tôi vẫn nhận được: một người ăn vận quần áo tím thẫm, đeo kính trắng, quần phụ la tuy trời không rét lắm, còn người kia thì rõ hoa mặc quần áo màu tro, cao lớn, và cụt một tay.

Đoàn kêu sẽ lên một tiếng:

-Trời ơi! Người cụt tay?

-Vâng cụt tay trái, tay ấn thọc luôn vào túi, nhưng tôi vẫn chú ý nên không giấu được tôi...

Đoàn nhắc đi nhắc lại:

- Người cụt tay? Trời ơi! Tôi hiểu rồi, suốt mấy ngày nay, khi ở trường ra, khi sắp bước vào nhà, khi đi xem chiếu bóng hay ở hiệu cao lâu, lúc nào cũng vậy, ở đâu cũng vậy, tôi thường gặp hắn, tôi cũng chú ý đến cái tay cụt ấy, nhưng tôi không ngờ gì... Đến bây giờ...

Mặt Đoàn tái xanh đi. Chàng hốt hoảng nhìn ra, không trả lời những tiếng chào hỏi của những người bạn qua đây như trước nữa. Chàng thốt nhiên nắm lấy tay Lê Phong:

- Ông Lê Phong, nếu vậy thì tính mệnh tôi nguy mất, tính mệnh tôi nguy thật, ông. . . Tôi nhờ ông tìm giúp kẻ thù tôi nhé . . .ông ngăn cản họ, tôi biết chỉ ông ngăn cản nổi...

Giọng nói mỗi lúc một thêm van vỉ:

- Vâng, xin ông giúp tôi, ông cứu tôi... Trời! Đến lúc này, việc tôi sắp thành, kết quả gần thấy rồi, mà... Hôm nay là một ngày quan trọng trong đời tôi, nhưng tôi cũng không được vui mấy.

- Thế ra ông biết cách hành động của kẻ thù đã lâu.

- Tôi biết gì? Có lẽ tôi ngờ thôi... Tôi vẫn ngờ rằng có kẻ muốn hại tôi, nhưng mãi hôm nay, mãi lúc này, tôi mới biết rõ.

- Thế sao ông không đi trình sở Liêm phóng?

- Tôi cũng định thế, nhưng xét ra có điều bất tiện. Ông Lê Phong, ông tìm ra nhé! Ông đi bắt ngay hộ hai đứa nhé. Tôi đến điên cuồng lên mất.

Lê Phong ôn tồn nói:

- Đi bắt! Tôi chỉ là người nhà báo. . . Và lại chúng nó không ở đây nữa, chúng hẳn tránh xa rồi.

- Ông chắc không?

Lê Phong toan trả lời "Tôi đoán thế". Nhưng muốn an ủi Đoàn, anh ta nói:

- Chắc. Nhưng ông vẫn phải đề phòng cẩn thận. Bây giờ xin ông cứ yên tâm vào giảng đường vì hình như đến giờ rồi. À quên, ông đứng lại để tôi chụp ông bức ảnh.

Bấm xong bức ảnh. Lê Phong bắt tay người thiếu niên bác sĩ lúc đó vừa có người ra gọi, rồi lững thững đến ngồi lên một cái ghế dài gần cửa, cặm cùi viết lên cuốn sổ tay.

Anh ta vừa viết được cái đầu đề:

-"Một cuộc phỏng vấn vội vàng. Một phút cùng thiếu niên bác sĩ Trần Thế Đoàn, một nhà thông thái kỳ dị..."

Bỗng đập tay xuống ghế chép miệng:

- Ồ ngốc chưa ! Vội gì thì vội, nhưng quên không xem bức thư lạ lùng kia thì ngu thực...

Ngẫm nghĩ một lát, lấy đồng hồ xem. Lê Phong toan đứng dậy, nhưng vẫn ngồi yên. Anh tắc lưỡi một cái, rồi viết rất nhanh, vừa viết vừa đưa mắt nhìn mấy người đến chậm vội vã bước vào giảng đường.

Lúc bốn trang giấy nhỏ đã đầy chữ. Lê Phong bước ra ngoài, đến bên một người ghéch xe đạp đợi ở vệ đường, đưa cái "Tin" mới xé ở sổ tay ra cho hắn và dặn:

- Anh về ngay tòa báo, bảo sửa qua bài tôi viết, rồi đăng ngay, cần lắm. Trang nhất, đầu đề rất to, mau lên cho kịp số hôm nay.

Rồi ngoắt quay vào, anh lăm lăm nói một cách rất sung sướng:

- Nào! Lê Phong, đem hết sức hết trí ra! Câu chuyện không đến nỗi tầm thường lắm.

Sắp bước lên thang để vào chỗ dành riêng cho các phóng viên, Lê Phong chợt để ý đến một mảnh giấy nhỏ rơi dưới đất. Anh nhặt lên và bất giác kêu lên một tiếng sê: "Ô! Lạ chưa!". Trên mảnh giấy có mấy hàng chữ này, lối chữ in hoa, vạch bằng bút chì:

"Lê Phong, anh coi chừng đó, đừng dúng tay vào việc này mà mang họa. Hôm nay Trần Thế Đoàn phải chết, nhưng anh không được tìm, được hiểu, được trông thấy, nghe thấy một điều gì".

(Trích Lê Phong và Mai Hương, Thế Lữ)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của VB

Câu 2. Tóm tắt các sự kiện chính trong văn bản.

Câu 3. Nhân vật Lê Phong thể hiện những đặc điểm nổi bật nào của nhân vật chính trong truyện trinh thám?

Câu 4. Theo em nhan đề của văn bản hé lộ điều gì?

Câu 5. Từ nội dung của câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Gợi ý:

Câu 1: HS tự làm

Câu 2: Các sự kiện chính trong văn bản:

- Lê Phong tới Đông Dương đại học đường sớm – nơi mọi người đang chờ đợi phỏng vấn vị bác sĩ Trần Thế Đoàn.
 - Cuộc nói chuyện giữa Lê Phong và Trần Thế Đoàn, trong đó có nhắc đến những kẻ thù của Trần Thế Đoàn.
 - Lê Phong chuẩn bị ra về, quay trở lại tòa soạn thì nhặt được một mảnh giấy nhỏ với lời lẽ đe dọa anh không nên dính tay vào việc của Trần Thế Đoàn và cho biết Trần Thế Đoàn phải chết trong hôm nay.
- Câu 3:** Nhân vật chính trong văn bản là Lê Phong – một phóng viên rất tài ba - một thám tử nghiệp dư tay ngang.

Nhân vật Lê Phong thể hiện những đặc điểm nổi bật của nhân vật chính trong truyện trinh thám:

- Khả năng quan sát tỉ mỉ: Nhìn vết mực trên ngón tay và bức thư trong túi của Trần Thế Đoàn mà biết được anh ta vì phải viết 1 bức thư rất dài nên đến muộn
- Khả năng suy luận logic: Nhìn bức thư nhét vội trong túi áo vị bác sĩ trẻ Thế Đoàn và quan sát thấy có 2 kẻ khả nghi đứng quanh đó mà biết được có kẻ đang muốn ám sát bác sĩ này.
- Tác phong chuyên nghiệp: Hành động ghi chép tỉ mỉ, chụp ảnh chuyên nghiệp, xử lý thông tin và đưa tin nhanh chóng
- Lòng dũng cảm, trượng nghĩa: Hé lộ cho Thế Đoàn biết kẻ cụt tay là tên sát thủ nhằm cảnh báo cho nạn nhân biết mà đề phòng.
- Tài năng hơn người: Mảnh giấy đe dọa, ngăn cản Lê Phong: *"Lê Phong, anh coi chừng đó, đừng dính tay vào việc này mà mang họa. Hôm nay Trần Thế Đoàn phải chết, nhưng anh không được tìm, được hiểu, được trông thấy, nghe thấy một điều gì."* cho biết tài năng phá án của anh. Anh đã từng nhúng tay tìm ra chân tướng rất nhiều vụ án. Cả nạn nhân và kẻ thủ phạm đều biết rõ khả năng này của anh.

Câu 4: Nhan đề của văn bản “Người phải chết” đã hướng sự chú ý của độc giả vào câu chuyện ngay từ nhan đề. “Người phải chết” đã bộc lộ dự báo cốt truyện của câu chuyện một “tội ác” sắp sửa được thực hiện; kích thích trí tò mò và khả năng phán đoán của người đọc, hé lộ nạn nhân của vụ án này là ai.

Câu 5: Bài học rút ra cho bản thân:

- + Cần học cách bảo vệ bản thân.
- + Cần rèn cho mình khả năng quan sát và tư duy logic để phán đoán tình hình.
- + Cần luôn đề cao cảnh giác bởi cái ác luôn nằm trong bóng tối.

+ Cần dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác, bảo vệ người lương thiện.

Bài 2:

SÁU KẺ TÌNH NGHĨ

Phạm Cao Cung

(Tóm lược đoạn đầu: *Tất cả sáu người tham dự bữa tiệc ở nhà ông Phạm Viên, khi ông ấy bị ám sát đang chờ gặp thanh tra Trúc Tâm vì thanh tra đã tìm ra manh mối vụ Phạm Viên. Thanh tra tóm tắt mối quan hệ của sáu người với chủ nhà Phạm Viên. Thanh tra Trúc Tâm tường thuật lại việc xảy ra trong đêm ấy: “Sau khi mọi người ăn uống xong xuôi, ông Phạm Viên xin lỗi mọi người trở về phòng riêng vì ông hơi mệt mỏi và nói mọi người cứ tự nhiên, không chừng tôi sẽ trở lại. Đã 11 giờ 15, ông Phan Vỹ nói: “Có ai dùng Bisquit không? Để tôi đi rót vài ly, chai còn lại chỉ còn rót đầy 2 ly thôi.” Phan Vỹ đi xuống nhà để lấy chai khác lên uống ...và vừa toan bước vào thì có tiếng súng nổ ở trên lầu 3, nơi phòng riêng của ông Phạm Viên... Mọi người cùng nhau chạy lên trên lầu và thấy cửa phòng mở hé, ông Phạm Viên nằm trên chiếc ghế xích đu, ngực bị trúng một viên đạn nên đã chết từ lúc nào. Cuộc điều tra cho biết: hung thủ hạ sát ông Phạm Viên có lấy được số bạc chừng 7, 8 ngàn đồng...)*

Nhìn khắp mọi người một lượt, Trúc Tâm lại thông thả tiếp:

- Theo lệ thường, trong các cuộc điều tra, trước hết chúng tôi cần biết kẻ nào sẽ được lợi sau khi Phạm Viên chết đi, nhưng đối với tất cả 6 vị ở đây, tôi đều thấy ai ai cũng có thể có duyên cớ hợp lý để hạ sát Phạm Viên hoặc là cầu lợi hoặc là trả một mối thù riêng, mà họ đã giữ kín từ lâu nay...

Thấy cử tọa có vài người muốn nói, Trúc Tâm giơ tay cản lại mà tiếp luôn:

- Những điều tôi nói đây đều có chứng cứ xác thực, vậy xin bắt tất ai phải chối cãi làm gì. Riêng có điều khi có tiếng súng nổ, kết liễu đời Phạm Viên, thì tất cả 6 vị ở đây, đều có mặt trong phòng khách cả, vậy lý đương nhiên, không một ai có thể nhúng tay vào vụ ám sát này.

Nghe Trúc Tâm nói tới đây mọi người như trút được gánh nặng, thở phào khoan khoái ... Ngưng lại ít phút, Trúc Tâm lại nhìn mọi người và hỏi:

- Trong quý vị đây, mấy bữa trước có ai đi xem chiếu bóng hay kịch gì không? Ông Ba Cự đáp:

- Tôi và nhà tôi mấy bữa trước có đi coi gánh Hoàng Thanh diễn vở Huyền Châu Nữ.

Vừa nói ông Ba Cự vừa sờ vào túi, như có ý định tìm hai cuống vé vào cửa nhưng ông bỗng lắc đầu:

- Quái, tôi nhớ lúc tôi móc túi lấy gói thuốc hút còn thấy hai cuống vé trong túi không hiểu tôi lại vứt đâu lúc nào rồi:

Trúc Tâm mỉm cười nói:

- Cái đó không sao. Bây giờ tôi chỉ xin quý vị hãy chú ý lắng nghe tôi nói.

Tuy tuyên bố như vậy, nhưng Trúc Tâm chỉ vén tay áo lên coi giờ rồi ngồi lặng thinh như chờ đợi cái gì chứ chưa nói năng chi hết. Khoảng năm phút sau chàng thanh tra thám tử mới lớn tiếng hỏi:

- Anh Năm có đây không?

Trúc Tâm ra lệnh “Khởi sự đi anh Năm!”

Thế là chưa đầy hai phút sau, một tiếng nổ từ tầng ba vọng xuống... Trúc Tâm hỏi mọi người:

- Quý vị có thấy gì không?

Mọi người cùng đáp: Có tiếng súng nổ đúng như đêm xảy ra án mạng.

Trúc Tâm mỉm cười rồi đúng lúc Phan Vỹ cũng đứng lên thì Trúc Tâm cũng đã áp tới, rút khóa tay, còng ngay hắn lại. Và Trúc Tâm cắt nghĩa.

Phan Vỹ giết ông Phan Viên không ngoài ý muốn chiếm đoạt gia tài vì ông Phan Viên không có con cái chi hết. Tên cháu bắt lương này có lẽ đã tính toán rất lâu ... Mà không chừng, hắn đã tập diễn thử và thấy mọi lớp lang sắp đặt đều hoàn toàn đúng nhịp. .. Chai Bisquit, hắn cũng đã để sẵn từ trước, chai gần cạn thì là một cái cớ cho hắn đi ra ngoài, còn chai đầy hắn để sẵn giấu trong chiếc giỏ đựng đầy giấy, bên phòng làm việc cạnh đây.

Nghe tới đoạn này, ông Ba Cự nói:

- A, tôi nhớ ra rồi, hai cuống vé coi hát hồi chiều hôm ấy, tôi có vút vào giỏ đựng giấy, khi ngồi tính toán công chuyện với ông Phan Viên ...

Trúc Tâm mỉm cười, nói tiếp:

- Chính nhờ có cuống vé coi hát dính ở dưới trôn chai rượu mà tôi biết được rõ rệt vụ này ... Khi nói đi lấy rượu thì Phan Vỹ đã đi nhanh lên trên lầu, hắn bắn chết Phan Viên, rồi hắn đặt một chiếc pháo vào trong một chiếc lư đồng lớn, bày trên tủ chè, châm ngòi đốt. Nhanh nhẹn, Phan Vỹ trở xuống dưới nhà lấy chai rượu đầy, mở cửa vào phòng khách. .. Vì lần trước cửa đóng nên không ai nghe thấy. Tiếng pháo nổ mọi người cùng nghe vì hung phạm đã không ngoan mở rộng cửa lúc bước vào trong... Tất cả kế hoạch của Phan Vỹ chỉ nhằm một mục đích làm sao cho mọi người tưởng ông Phan Viên bị bắn khi hắn lại có mặt ở đây!

(Phạm Cao Cung, *Chiếc tất nhuộm bùn*, NXB Công an nhân dân, 2018)

Chú thích:

Phạm Cao Cung (1943- 2013) là nhà văn chuyên viết truyện trinh thám nổi tiếng của Việt Nam trước năm 1945. Ông được xem là “vua truyện trinh thám Việt Nam” và cũng được coi là người viết truyện trinh thám đầu tiên ở Việt Nam.

Thực hiện các yêu cầu sau từ 1 đến 5:

Câu 1. Xác định ngôi kể và vụ án được kể trong tác phẩm.

Câu 2. Chỉ ra một số chi tiết thể hiện manh mối quan trọng của vụ án.

Câu 3. Nhân vật Phan Vỹ được tác giả khắc họa là người như thế nào?

Câu 4. Nêu chủ đề của câu chuyện.

Câu 5. Nếu được làm vị quan tòa, em sẽ tuyên phạt ông Phan Vỹ với mức án nào? Vì sao?

Câu 6.

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật thanh tra Trúc Tâm trong văn bản “Sáu kẻ tình nghi” (Phạm Cao Cung).

Câu 7.

“Lòng tham khiến con người trở nên mù quáng và ngu ngốc, và khiến họ trở thành con mồi dễ dàng cho cái chết.” – Rumi.

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về lòng tham của con người.

Gợi ý:

Câu 1:- Ngôi kể: ngôi thứ 3.

- Vụ án được kể lại: Vụ án về cái chết của ông Phạm Viên.

Câu 2: Một số chi tiết thể hiện thể hiện mạnh mẽ trong quá trình điều tra vụ án:

- Cuồng vé coi hát dính ở dưới trôn chai rượu.
- Khảo sát về chai rượu và pháo.

Kẻ được lợi nhất trong cái chết của ông Phạm Viên

Câu 3: Tác giả đã khắc họa Phan Vỹ:

- Là kẻ tham lam: Mục đích giết ông Phạm Viên là để cướp tài sản.
- Là kẻ độc ác, tàn nhẫn: Mưu mô giết người để cướp của.
- Anh ta là kẻ ranh mãnh, có khả năng lên kế hoạch rất bài bản.

Câu 4: - Qua câu chuyện thanh tra Trúc tâm tìm ra thủ phạm trong vụ án giết ông Phạm Viên, tác giả đã vạch trần tội ác của kẻ giết người và đề cao sự nhanh trí và tài phá án của thanh tra Trúc Tâm.

- Đồng thời truyện cũng thể hiện khát vọng về công bằng trong xã hội, cái ác sẽ bị phanh phui và đền tội.

Câu 5: Đây là câu hỏi mở, học sinh có thể bày tỏ quan điểm của mình và lí giải hợp lí.

Dưới đây là một số gợi ý:

- TH 1: Sẽ phạt Phan Vỹ với hình phạt nặng nhất: Tử hình.

Vì: + Kẻ ác phải đền tội.

+ Như thế mới có sức răn đe với những người khác.

- TH 2: Sẽ phạt tù chung thân (suốt đời còn lại)

Vì: + Vì như vậy cũng là bắt kẻ có tội phải chịu hình phạt nặng.

+ Cũng là cách để tội phạm có thời gian để ăn năn, hối cải về việc làm của mình.

+ Thể hiện sự khoan hồng, độ lượng khi kẻ có tội biết ăn năn.

Câu 6: * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Đọc truyện “Sáu kẻ tình nghi” của Phạm Cao Cung,

người đọc ấn tượng với nhân vật thanh tra Trúc Tâm với những đặc điểm thường thấy của nhân vật chính trong truyện trinh thám.

Thân đoạn: Làm rõ đặc điểm của thanh tra Trúc Tâm qua văn bản. Có thể như sau:

- Có kĩ năng quan sát tinh tường: Quan sát không gian căn phòng nơi ông Phạm Viên bị ám sát, tính toán khoảng cách căn phòng riêng của ông Phạm Viên ở lầu 3 với lầu 1; từ đó suy luận Phan Vỹ đã cố tình bày pháo nổ, mở hé cửa để mọi người nghe thấy tiếng động như tiếng súng nổ khi hắn đã ở lầu 1.- Khả năng phân tích, suy luận, đánh giá sắc bén:

- Là người thông minh, có khả năng phán đoán nhanh nhạy, phân tích sắc sảo, suy luận logic:
+ Thanh tra Trúc Tâm đã phân tích kĩ mối quan hệ giữa 6 kẻ tình nghi với nạn nhân, từ đó đưa ra phán đoán cả 6 người đều có thể là hung thủ hạ sát Phạm Viên hoặc là cầu lợi hoặc là trả một mối thù riêng, mà họ đã giữ kín từ lâu nay; tuy nhiên động cơ gây án của Phan Vỹ rất lớn vì hắn có thể chiếm đoạt gia tài của ông Phan Viên khi ông này không có con cái chi hết.

+ Từ hai cuống vé dưới chôn chai rượu, thanh tra Trúc Tâm đã đưa ra phán đoán về việc tính toán sắp đặt của Phan Vỹ khi hắn đã để sẵn một chai rượu lớn từ trước trong giỏ đựng đầy giấy, khi chai gần cạn thì là một cái cớ cho hắn đi ra ngoài, hắn đánh lạc hướng mọi người là ra ngoài để lấy chai rượu mới, nhưng thực chất đây là khoảng thời gian Phan Vỹ sát hại ông Phạm Viên ở tầng 3 và tạo hiện trường giả.

+ Suy luận sự việc Phan Vỹ đánh lạc hướng mọi người, tạo hiện trường giả, bằng chứng ngoại phạm khi bố trí pháo nổ, mở hé cửa để mọi người nghe thấy tiếng động tưởng là tiếng súng gây án mạng khi hắn đang ở lầu 1. Thanh tra Trúc Tâm còn cho thực nghiệm hiện trường để mọi người hiểu rõ hơn về cách bày hiện trường giả của Phan Vỹ.

→ Nhân vật thanh tra Trúc Tâm thể hiện rõ những đặc điểm của một thám tử trong truyện trinh thám.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật thanh tra Trúc Tâm: Xây dựng nhân vật qua lời nói, hành động. Nhân vật hiện lên qua lời của người kể chuyện và qua đối thoại trực tiếp với các nhân vật khác để người đọc thấy rõ hơn diễn biến của hành trình phá án qua quá trình suy luận, tư duy, phán đoán của thanh tra Trúc Tâm; từ đó làm rõ sự thông minh, óc quan sát, khả năng liên kết các dữ kiện để khám phá sự thật.

- **Kết đoạn:** Khẳng định lại vẻ đẹp và ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

* Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.

Câu 7:

Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:

- Xác định được các ý chính của bài viết

- Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận.

* Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận:

Lòng tham khiến con người trở nên mù quáng và ngu ngốc, và khiến họ trở thành con mồi dễ dàng cho cái chết.” (Rumi). Chúng ta có thể thấy lòng tham như “con quỷ” ăn mòn tâm trí con người, gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

* Triển khai vấn đề cần nghị luận:

- Giải thích – Biểu hiện:

+ Lòng tham là sự khát khao vượt mức bình thường về một điều gì đó: tiền bạc, của cải, địa vị, quyền lực,...

+ Biểu hiện của lòng tham: Luôn muốn nhiều hơn, không biết đủ; tranh chấp tài sản; tham ô, hối lộ của cải chung của tập thể,...

- Tác hại của lòng tham:

+ Lòng tham khiến con người trở nên mù mịt, mộng mị, mê muội không nhìn thấy tác hại của những hành động mình đang làm.

+ Lòng tham sẽ ăn mòn dần tâm trí của con người, khiến họ không thể phân biệt được đúng sai, khiến họ có những hành động đi trái lại với lương tâm, đạo đức, thậm chí là trái với pháp luật để trục lợi về bản thân mình.

+ Lòng tham còn khiến bản thân mỗi người rơi vào vòng xoáy của tội lỗi, vào những vũng bùn của xã hội khó có thể quay đầu, khó có được lòng tin, sự tín nhiệm của người khác, lâu dần dẫn đến việc bị cô lập, cuộc sống tụt dốc và bị đào thải.

...

(HS tự lấy dẫn chứng về những con người có lòng tham lam vô độ và nhận hậu quả đắng chát của mình họa.)

* **Ý kiến trái chiều:** Còn một số người không biết kìm hãm nhu cầu của bản thân mà luôn đòi hỏi mọi người xung quanh đáp ứng.

Cần phân biệt lòng tham với những khát vọng cao đẹp mà con người luôn hướng tới.

***Giải pháp cho vấn đề: Vậy cần làm gì để xóa bỏ lòng tham trong mỗi chúng ta?**

- Sống tránh xa sự tranh giành đua đòi.

- Biết kìm hãm những nhu cầu của cá nhân.

- Hãy tự biết phấn đấu để đạt được thành tích và công trạng xứng đáng.

- Hướng đến rèn luyện lối sống lành mạnh, tích cực, lan tỏa tình yêu thương, sẻ chia đến mọi người xung quanh.

...

* Khẳng định ý nghĩa, vai trò của việc kìm hãm, xóa bỏ lòng tham trong mỗi con người.

Bài tập 3:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

BÀN TAY YÊU THƯƠNG

Trong một tiết dạy vẽ, có giáo viên bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm cho em thích nhất trong đời.

Cô giáo thầm nghĩ: "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: Bức tranh vẽ một bàn tay.

Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em phán đoán:

- Đó là bàn tay của bác nông dân.

Một em khác cự lại:

- Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật.

Cô giáo đợi cả lớp bớt ồn ào dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu:

- Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!

Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.

(Mai Hương, Vĩnh Thắng – Trích Quà tặng cuộc sống, NXB trẻ)

Câu 1 : Văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ mấy?

Câu 2 : Theo văn bản, cô giáo đã yêu cầu học sinh vẽ về chủ đề gì?

Câu 3 : Em hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu văn sau:

Cô giáo thầm nghĩ: "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: Bức tranh vẽ một bàn tay.

Câu 4 : Tại sao đối với Douglas bàn tay cô giáo lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương?

Câu 5 : Thông qua văn bản, tác giả muốn gửi tới người đọc bức thông điệp nào?

Câu 6 : Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ phân tích chủ đề của truyện “Bàn tay yêu thương”.

Câu 7 : Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 400 chữ) nêu suy nghĩ của em về hành vi bạo lực học đường của học sinh hiện nay.

Gợi ý:

Câu 1-2: HS tự làm

Câu 3: - Biện pháp tu từ liệt kê: những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh.

- Tác dụng:

+ Tăng sức biểu đạt, biểu cảm, tăng hiệu quả diễn đạt.

+ Nhân mạnh làm đầy đủ hơn, chi tiết hơn những ý nghĩa, những cảm xúc của cô giáo khi nghĩ về đề tài mà HS sẽ lựa chọn để vẽ bức tranh nhưng cuối cùng cô hoàn toàn bất ngờ khi tất cả nằm ngoài dự đoán của cô bức tranh vẽ một bàn tay.

Câu 4: Đối với Douglas bàn tay cô giáo lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương bởi:

+ Cô giáo đã dùng bàn tay của mình để dắt Douglas ra sân và cô cũng đã dùng bàn tay ấy để dắt nhiều HS khác nữa.

+ Cử chỉ của cô giáo rất bình thường, giản dị không có gì đặc biệt nhưng cử chỉ ấy xuất phát từ sự chân thành, từ tình yêu thương, từ mong muốn tốt đẹp để Douglas có cơ hội được hòa nhập cùng bạn bè.

+ Bức tranh của Douglas chính là sự tri ân đối với cô giáo của mình.

Câu 5: HS tự làm

Câu 6: Mở đoạn

- Giới thiệu truyện và chủ đề: Truyện ngắn “Bàn tay yêu thương” khắc họa giá trị sâu sắc của tình yêu thương và sự sẻ chia trong cuộc sống.
- Chủ đề chính là tôn vinh những hành động nhỏ bé, giản dị nhưng xuất phát từ tấm lòng chân thành, có sức mạnh lan tỏa ý nghĩa lớn lao.

II. Thân đoạn

- Phân tích chi tiết nổi bật làm sáng tỏ chủ đề:
 - + Hình ảnh bàn tay trong bức tranh của Douglas: Bức tranh không phải những thứ xa hoa mà là một biểu tượng đầy ý nghĩa – bàn tay của cô giáo.
 - Đây là chi tiết nghệ thuật trung tâm, biểu trưng cho tình yêu thương và sự che chở.
- Hành động của cô giáo:
 - + Cô giáo thường dắt tay Douglas ra sân chơi, một hành động giản dị nhưng chứa đựng sự đồng cảm, yêu thương.
 - + Với cô giáo, đây là thói quen tự nhiên; nhưng với Douglas, đó là món quà tinh thần quý giá, giúp em cảm nhận được sự quan tâm giữa hoàn cảnh thiệt thòi.
- Tác động của bàn tay yêu thương:
 - + Hành động nhỏ bé đã gieo niềm tin và hy vọng cho Douglas.
 - + Nó khẳng định rằng tình yêu thương có thể chữa lành và mang lại sức mạnh tinh thần cho những người yếu thế.
- Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm:
 - + Tình yêu thương chân thành không cần phải là những hành động lớn lao mà bắt nguồn từ những điều giản dị trong cuộc sống.
 - + Hãy luôn quan tâm, sẻ chia, bởi điều nhỏ bé của bạn có thể là niềm an ủi lớn lao với người khác.

III. Kết đoạn

- Khẳng định lại giá trị chủ đề: “Bàn tay yêu thương” nhấn mạnh tầm quan trọng của tình yêu thương và sự sẻ chia trong việc xây dựng một cuộc sống tốt đẹp.
- Rút ra bài học: Mỗi người nên sống với trái tim chân thành, biết trao đi yêu thương qua những điều giản dị để góp phần làm đẹp cho cuộc đời.

Câu 7:

1. Mở bài: Dẫn dắt vấn đề nghị luận: *Cách ứng xử khi bị bắt nạt hoặc chứng kiến hành vi bạo lực học đường*

2. Thân bài

2.1 Giải thích vấn đề: Bạo lực học đường bao gồm tất cả các hành vi gây tổn hại về thể chất, tinh thần hoặc tình cảm giữa các học sinh trong môi trường học đường. Đó có thể là những hành động đánh đập, đe dọa, lăng mạ, cô lập, tống tiền, hoặc lan truyền thông tin sai lệch, xúc phạm trên mạng xã hội.

2.2 Phân tích vấn đề

a. Thực trạng: Mỗi quan hệ tích cực trong học đường bao gồm các mối quan hệ giữa học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên, và học sinh với nhân viên nhà trường. Đây là những mối quan hệ được xây dựng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, tin tưởng, hỗ trợ và hợp tác. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, tình trạng bạo lực học đường, bắt nạt và cô lập bạn bè vẫn còn diễn ra phổ biến. (Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh cho biết từng bị bắt nạt lên đến 30%. Con số này cho thấy mối quan hệ giữa các học sinh chưa thực sự tích cực và cần được cải thiện.

b. Nguyên nhân:

Gia đình: Sự thiếu quan tâm, giáo dục không đúng cách, bạo lực gia đình là những yếu tố tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến hành vi bạo lực ở trẻ em.

Nhà trường: Sự thiếu chặt chẽ trong quản lý, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống chưa được chú trọng, cùng với áp lực học tập, thi cử cũng là những nguyên nhân góp phần làm gia tăng bạo lực học đường.

Xã hội: Sự tác động tiêu cực của các phương tiện truyền thông, game bạo lực, văn hóa phẩm đồi trụy đã làm méo mó nhận thức, giá trị sống của một bộ phận giới trẻ.

c. Hậu quả

Bạo lực học đường không chỉ gây ra những tổn thương về thể chất, tinh thần cho nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến cả người gây ra bạo lực và những người chứng kiến.

- Người bị bạo lực : nạn nhân có thể bị ám ảnh, trầm cảm, rối loạn lo âu, thậm chí có ý định tự tử.

- Người gây ra bạo lực có thể bị xa lánh, kỳ thị, rơi vào vòng xoáy tội phạm.

- Những người chứng kiến có thể trở nên thờ ơ, vô cảm hoặc sợ hãi, bất an.

(Dẫn chứng)

HS lập luận ý kiến trái chiều:

Một số người cho rằng bạo lực học đường là chuyện "trẻ con", không đáng để quan tâm quá mức. Họ cho rằng đó chỉ là những xích mích nhỏ, sẽ tự hết theo thời gian. Tuy nhiên, quan điểm này hoàn toàn sai lầm và nguy hiểm. Bạo lực học đường không phải là chuyện nhỏ, nó có thể để lại những hậu quả nặng nề, lâu dài.

d. Giải pháp

*Đối với nạn nhân của bạo lực học đường:

- **Không im lặng:** Hãy mạnh dạn lên tiếng, chia sẻ với người lớn mà mình tin tưởng như cha mẹ, thầy cô, bạn bè thân thiết hoặc các đường dây nóng hỗ trợ.

- **Tự bảo vệ:** Học cách tự vệ cơ bản để ứng phó trong trường hợp khẩn cấp.

- **Tìm kiếm sự giúp đỡ:** Tham gia các nhóm hỗ trợ, các buổi tư vấn tâm lý để vượt qua nỗi đau và tìm lại sự tự tin.

- **Tham gia :** Các khóa học tự vệ, các ứng dụng hỗ trợ tâm lý, các trang web cung cấp thông tin về bạo lực học đường.

*Đối với người chứng kiến bạo lực học đường:

Bất kỳ ai chứng kiến hành vi bạo lực học đường cần:

- **Không thờ ơ:** Lên án hành vi bạo lực, thể hiện sự ủng hộ nạn nhân.

- **Can thiệp kịp thời:** Nếu có thể, hãy can ngăn hành vi bạo lực một cách an toàn.

- **Thông báo:** Cần báo cho người có trách nhiệm (giáo viên, bảo vệ, ban giám hiệu) về vụ việc.

*Đối với gia đình và nhà trường:

- **Lắng nghe và thấu hiểu:** Tạo không gian an toàn để con cái, học sinh chia sẻ những khó khăn, lo lắng.

- **Giáo dục:** Tổ chức các buổi sinh hoạt, các chương trình giáo dục về kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết xung đột, phòng chống bạo lực học đường.

- **Xây dựng môi trường an toàn:** Tăng cường giám sát, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực.

- **Nhà trường:** cần có các tài liệu giáo dục, các buổi tập huấn cho giáo viên về phòng chống bạo lực học đường.

(Dẫn chứng)

e . Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức được hành động bạo lực học đường là một hành vi xấu, có ảnh hưởng nghiêm trọng đến đạo đức, là đồng lõa với cái ác

- Hãy lên tiếng bảo vệ các nạn nhân bị bạo lực học đường... Mỗi chúng ta đều có thể góp phần nhỏ bé vào việc ngăn chặn bạo lực học đường.
- Bài học nhận thức và hành động:

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận
- Đưa ra thông điệp, lời khuyên với các bạn trẻ:

Bài 4:

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

MẸ

(Viễn Phương)

Con nhớ ngày xưa mẹ hát:	Khi con thành đóa hoa thơm
“Hoa sen lặng lẽ dưới đầm	Đời mẹ lắt lay chiếc bóng
Hương hoa dịu dàng bát ngát	Con đi... chân trời gió lộng
Thơm tho không gian, thời gian”...	Mẹ về... nắng quái chiều hôm

Mẹ nghèo như đóa hoa sen	Sen đã tàn sau mùa hạ
Tháng năm âm thầm lặng lẽ	Mẹ cũng lìa xa cõi đời,
Giọt máu hòa theo dòng lệ	Sen tàn rồi sen lại nở
Hương đời mẹ ướp cho con	Mẹ thành ngôi sao trên trời.

(Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam, 1999, trang 37)

Chú thích: Viễn Phương, sinh năm 1928, mất năm 2005, quê ở An Giang. Ông là nhà thơ gắn bó với cuộc sống chiến đấu của bà con quê hương trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bài thơ Mẹ mang đến cho người đọc những hình ảnh và cảm nhận sâu sắc về tình mẹ vì sự hy sinh vô điều kiện của mẹ dành cho con.

Câu 1 : Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 : Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai câu thơ:

“Mẹ nghèo như đóa hoa sen
Tháng năm âm thầm lặng lẽ”.

Câu 4 : Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ:

“Khi con thành đóa hoa thơm
Đời mẹ lắt lay chiếc bóng”

Câu 5 . Từ thông điệp tác giả gửi tới người đọc qua bài thơ, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của con cái trong việc đền đáp công ơn cha mẹ?

Câu 9: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ:

“Sen đã tàn sau mùa hạ
Mẹ cũng lìa xa cõi đời,
Sen tàn rồi sen lại nở
Mẹ thành ngôi sao trên trời”

Câu 10 :

Nhà phê bình văn học Bielinxki đã từng nói: “Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời”. Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bàn về vấn đề tuổi trẻ cần có lí tưởng sống.

Gợi ý:

Câu 1-2: HS tự làm

Câu 3: So sánh: “*Mẹ nghèo như đoá hoa sen*”.

Tác dụng:

- + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ.
- + Làm nổi bật hình ảnh người mẹ tuy hoàn cảnh nghèo khó nhưng phẩm chất luôn thuần khiết cao quý như đoá hoa sen.
- + Tình cảm yêu thương, sự trân trọng, biết ơn mà tác giả dành cho mẹ.

Câu 4:

- Khi con khôn lớn trưởng thành cũng là lúc cha mẹ già yếu, héo hon.
- Thể hiện lòng biết ơn và sự cảm thương, nỗi xót xa của người con dành cho mẹ.

Câu 5: HS tự làm

Câu 6:

1. Mở đoạn: Giới thiệu và nêu ấn tượng chung về đoạn thơ.

2. Thân đoạn: Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về các yếu tố nội dung, nghệ thuật .

- *Cảm nhận về nội dung:* Dù mẹ đã đi xa khỏi thế gian nhưng những hình ảnh và kỷ niệm về mẹ mãi luôn ở trong trái tim con. Những giây phút tuyệt đẹp khi còn được bên mẹ sẽ mãi theo con suốt cuộc đời. Mẹ vẫn như một ngôi sao trên trời vĩnh cửu, mãi mãi con không bao giờ quên. Mẹ vẫn luôn tỏa sáng, luôn dõi theo từng bước đi của con trên cuộc đời...

- *Cảm nhận về nghệ thuật:*

- + Viễn Phương đã khéo léo sử dụng cách nói giảm nói tránh trong hai câu thơ “sen đã tàn sau mùa hạ/ mẹ đã lìa xa cõi đời”.
- + Ngôn từ, hình ảnh giản dị, mộc mạc và mang tính biểu tượng tạo cảm giác nhẹ nhàng khi nói về sự tàn phai của sen cũng như sự cách xa của mẹ.
- + Giọng điệu câu thơ nhẹ nhàng, sâu lắng.
- + Thể thơ sáu chữ với lối gieo vần, ngắt nhịp khá linh hoạt khiến những câu thơ như một bản nhạc nhiều âm điệu về tình mẹ...

3. Kết đoạn Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung, nghệ thuật đã trình bày.

Câu 7:

1. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề: Tuổi trẻ cần có lí tưởng sống.
- Nêu sự cần thiết phải bàn luận, giải quyết vấn đề.

2. Thân bài:

*** Giải thích:**

- Lí tưởng sống chính là lẽ sống tốt đẹp, là cái đích cuộc sống mà người trẻ khao khát đạt được.

- Bao gồm: những giá trị, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp sống mà mỗi người đặt ra để đạt một cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa.

- Biểu hiện:

- + Biết đặt mục tiêu, phấn đấu không ngừng nghỉ để hoàn thiện và phát triển bản thân, tạo ra thành tựu.
- + Khi vấp ngã không hề nản lòng, coi đó là bài học kinh nghiệm.
- + Mang trong mình năng lượng tích cực tràn đầy.
- + Truyền tải những thông điệp có ý nghĩa cho xã hội...

- Lí tưởng:

- + Tuổi trẻ là thời gian để con người khám phá bản thân. Lí tưởng sống đóng vai trò kim chỉ nam giúp con người xác định phương hướng.
- + Cuộc sống luôn tiềm ẩn vô vàn khó khăn không lường trước, lí tưởng là nguồn động lực to lớn đem lại sức mạnh để ta không chùn bước, vươn tới thành công.
- + Lí tưởng sống không những đem lại những giá trị tốt đẹp cho tuổi trẻ mà còn giúp tôi luyện những phẩm chất quý báu khác: siêng năng, kiên trì, sống yêu thương, có trách nhiệm...
- + Lí tưởng sống mãnh liệt thôi thúc tuổi trẻ làm nên những điều vĩ đại, đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển đất nước.
- + Nếu tuổi trẻ không có lí tưởng, cuộc sống sẽ trở nên u ám, tẻ nhạt như buổi sáng không có ánh mặt trời.

(Nêu lí lẽ kết hợp dẫn chứng để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề)

- Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó:

- + Trong xã hội hiện nay, một bộ phận giới trẻ đang dần mất đi lí tưởng sống; một bộ phận thanh niên chỉ biết ăn chơi, sống buông thả, vô cảm, không có mục tiêu, phương hướng sống. Họ phụ thuộc vào người khác như những cây tầm gửi, sa vào những tệ nạn khiến cho xã hội kém phát triển.
- + Lại có những người đặt cho mình lí tưởng sống quá xa vời trong khi bản thân không đủ năng lực hoặc không hề cố gắng để đạt được.

- Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề:

- + Để đạt được lí tưởng sống của mình, tuổi trẻ cần có kế hoạch cụ thể, từng bước thực hiện, tự ý thức rèn luyện cả về tri thức lẫn đạo đức.
- + Cần phải nỗ lực, kiên trì, sáng tạo và không ngừng học hỏi để hoàn thiện bản thân.
- + Cần sống tích cực, lạc quan để vượt qua những thử thách trong cuộc sống, hành động có trách nhiệm với xã hội và thế giới xung quanh.
- + Không nên chạy theo lối sống hưởng thụ đua đòi và cần lên án những người sống không có lí tưởng để họ tự nhận thức lại bản thân.

3. Kết bài:

- Khẳng định tầm quan trọng của việc xác định và xây dựng lí tưởng sống cao đẹp để cuộc sống đúng nghĩa là cuộc sống.

Bài tập 5:

QUÊ HƯƠNG

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Quê hương giản dị chẳng đâu xa
Bãi mía vườn rau với ruộng cà
Khóm trúc bờ đê chiều nhạt nắng
Dập dờn sóng lúa chạy la đà

(2) Quê hương mộc mạc chẳng kiêu sa
Mái lá đơn sơ dưới nắng tà
Khói toả lam chiều thơm gạo mới
Du dương tiếng gió hát ngân nga

(3) Quê hương sách sử đã in ra
Một dải cong cong khảm ngọc ngà
Núi đá chênh vênh bên biển lớn
Rừng xanh suối mát trải muôn hoa

(4) Quê hương êm ả những lời ca
Điệu Bắc Nam ai thật mặn mà
Xứ Huế Trường Tiền thôn Vỹ Dạ
Ai nghe thấy tiếng cũng mơ ra

(5) Quê hương nhuộm đỏ bởi phù sa
Chín nhánh rồng bay tạo vốc ngà
Vựa lúa phì nhiêu xanh bát ngát
Đàn cò trắng lượn phía trời xa

(6) Quê hương mãi mãi ở trong ta
Dẫu có tha phương biệt mái nhà
Đất Tổ là gì ai cũng hiểu ...
Như là ... chỉ một Mẹ và Cha!

(Trúc Quỳnh)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nêu chủ đề của bài thơ?

Câu 3. Trong khổ thơ đầu, quê hương hiện lên qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:

Quê hương mãi mãi ở trong ta
Dẫu có tha phương biệt mái nhà
Đất Tổ là gì ai cũng hiểu ...
Như là ... chỉ một Mẹ và Cha!

Câu 5. Nêu những thông điệp mà em nhận được sau khi đọc xong văn bản trên.

Câu 8 . Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) theo lập luận diễn dịch nêu cảm nhận của em về ba khổ thơ cuối bài thơ “Quê hương” của tác giả Trúc Quỳnh.

Câu 9. Từ văn bản “Sông núi nước Nam” (“Nam quốc sơn hà” - SGK Ngữ văn 9 tập 1 *Cánh diều* – trang 13) em hãy viết một bài văn (khoảng 400 chữ) bàn về vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ và phát triển đất nước trong thời kì hội nhập.

Gợi ý:

Câu 1: HS tự làm

Câu 2: Nêu chủ đề của bài thơ: Tình yêu quê hương, đất nước

-khắc họa vẻ đẹp quê hương đất nước ; ngợi ca vẻ đẹp quê hương đất nước, khắc họa vẻ đẹp thanh bình từ đó bộc lộ niềm tự hào...

Câu 3:

- Trong khổ thơ đầu, quê hương hiện lên qua những hình ảnh: Bãi mía, vườn rau, ruộng cà, khóm trúc, bờ đê, sóng lúa...

=> Đó là những hình ảnh thân thuộc, gần gũi, giản dị, mộc mạc, đơn sơ.. Từ đó, thể hiện (bộc lộ) tình yêu quê hương đất nước; trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương.

Câu 4:**Biện pháp tu từ so sánh: Quê hương (Đất Tổ) – người mẹ, cha****- Tác dụng:**

+ Nhân mạnh tâm quan trọng của quê hương đối với mỗi con người; thể hiện tình cảm yêu mến, gắn bó sâu nặng giữa quê hương với con người.

+ Đánh giá về tài năng của tác giả

biện pháp tu từ: Hoán dụ : “ biệt mái nhà”: chỉ mái ấm

Thể hiện tình cảm gắn bó với quê hương.

Câu 5: HS tự làm**Câu 6: Bài làm cần đảm bảo ý sau:**

Giải thích: Thế hệ trẻ chỉ thế hệ thanh, thiếu niên, những người trẻ tuổi, trẻ lòng

+ *Thời kì hội nhập:* Thời kì phát triển, mở rộng hợp tác giao lưu quốc tế, tiếp thu các nền văn hóa, kinh tế...

- Vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ:

+ Là nguồn động lực phát triển to lớn của xã hội, là thế hệ tương lai, những người kế thừa thành tựu từ thế hệ đi trước để xây dựng và phát triển đất nước trong tương lai.

+ Thế hệ trẻ, sức trẻ, nguồn năng lượng của thế hệ trẻ là nguồn tài nguyên sống vô giá cho sự phát triển, hưng thịnh của một đất nước.

+ Người trẻ là những người hiểu biết, cần có trách nhiệm trong việc tuyên truyền, nâng cao dân trí cho những người kém hiểu biết cũng như học tập và trau dồi bản thân mình để có thể thể hiện được tình yêu đất nước 1 cách không mù quáng.

+ Thế hệ trẻ có trách nhiệm học tập và rèn luyện để xây dựng và phát triển các lĩnh vực khác nhau của quê hương, đất nước. Chỉ có bằng tri thức, con người mới có thể từng bước thành công và tạo nên được những thành tựu cho quê hương mình, từ đó mang tiếng nói của quê hương đất nước ra ngoài thế giới. Những cống hiến của người trẻ sẽ góp phần làm cho quê hương thêm giàu đẹp.

+ Người trẻ cần có sự kế thừa và tiếp thu đối với những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Bên cạnh kế thừa, bảo vệ khỏi sự xâm hại thì ta còn cần phát triển những giá trị ấy sao cho bạn bè quốc tế cũng có thể biết đến những giá trị đó của nước nhà. Tóm lại, thế hệ trẻ đóng 1 vai trò to lớn trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, quê hương.

Tuy nhiên vẫn còn có những thanh niên đã không ý thức được trách nhiệm của mình đối với đất nước hiện nay là quan trọng như thế nào, mà chỉ việc lo ăn chơi mà không cố gắng học tập để có thể giúp cho tương lai của mình và đất nước.

Có 1 bằng chứng) để minh họa cho lí lẽ nêu ở trên**- Phản đề**

- Rút ra bài học nhận thức hành động cho bản thân.

=> chúng ta cần tích cực học tập, nghiên cứu khoa học và tham gia vào các phong trào, hoạt động của nhà trường. Mỗi ngày trau dồi, hoàn thiện bản thân một chút sẽ giúp ta ngày càng tốt hơn.

Câu 7:

Nội dung: HS biết bám vào ngữ liệu thơ, dựa vào các hình ảnh, chi tiết, dấu hiệu nghệ thuật ... để phân tích hợp lý nội dung bài thơ.

- Cảm nhận về nội dung:

+ Quê hương hiện lên qua những lời ca ngọt ngào, tha thiết nuôi dưỡng tâm hồn con người: *Điệu Bắc Nam ai*; quê hương được nhắc qua các địa danh đẹp, thơ mộng, ý nghĩa: xứ Huế, thôn Vỹ Dạ

+ Quê hương là những dòng sông đỏ nặng phù sa, là những mảnh đất như thế rồng bay, là vựa lúa phì nhiêu => Những hình ảnh tiêu biểu đặc trưng của mảnh đất Việt...

+ Tác giả trực tiếp bày tỏ tình cảm : “mãi mãi trong tim” ; “ như chỉ 1 mẹ, cha”

- Cảm nhận về nghệ thuật:

+ Thể thơ bảy chữ lời thơ nhẹ nhàng, dung dị, sâu lắng

+ Điệp ngữ “quê hương” ở đầu mỗi khổ thơ để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh những vẻ đẹp cụ thể của quê hương, đất nước

+ Biện pháp tu từ so sánh : Quê hương (đất Tổ) – như chỉ 1 mẹ => vai trò, ý nghĩa của quê hương đối với mỗi người

=> Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước; trân trọng tự hào về vẻ đẹp của quê hương .

- Bài thơ đã mang lại cảm xúc /Bài học gì cho em?

- Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

A. Phần Lịch sử

I. Nội dung ôn tập.

- Học sinh ôn tập những kiến thức cơ bản của các bài:

Bài 14. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946-1950.

Bài 15. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951-1954.

Bài 16. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 -1965.

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

II. Hình thức kiểm tra:

- 70% trắc nghiệm khách quan (gồm 10 câu hỏi lựa chọn 1 phương án đúng nhất và 1 câu hỏi lựa chọn Đúng/Sai).

- 30% tự luận.

III. Một số dạng câu hỏi và bài tập minh họa.

III.1. Câu hỏi trắc nghiệm lựa chọn 1 phương án đúng nhất

Câu 1: Trận đánh tiêu biểu nhất của Việt Nam trên đường số 4 trong chiến dịch Việt Bắc thu –đông năm 1947 là:

A. Thất Khê. B. Đông Khê. C. Đèo Bông Lau. D. Đoan Hùng.

Câu 2: Trận đánh tiêu biểu nhất của Việt Nam trên sông Lô trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là:

A. Đèo Bông Lau. B. Đoan Hùng, Khe Lau. C. Thất Khê. D. Đông Khê

Câu 3: Mục tiêu của ta khi tiến hành cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 cuối năm 1946 – đầu năm 1947 là:

A. đập tan âm mưu chiếm đóng miền Bắc Việt Nam của Pháp.

B. tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

C. bao vây, tiêu diệt quân chủ lực Pháp trong các đô thị, xoay chuyển tình thế theo hướng có lợi cho ta.

D. tạo ra những trận đánh vang dội, làm cơ sở để đẩy mạnh đấu tranh chính trị trên bàn đàm phán.

Câu 4: Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là:

- A. Liên Xô. B. Cu - ba. C. Trung Quốc. D. Lào.

Câu 5: Sau thất bại ở Việt Bắc thu – đông năm 1947, Pháp buộc phải chuyển từ “ đánh nhanh sang thắng nhanh ” sang:

- A. “đánh thần tốc”. B. “chắc thắng mới đánh”. C. “đánh lâu dài”. D. “vừa đánh vừa đàm”.

Câu 6: Nội dung nào **không** phản ánh mục tiêu của Đảng khi mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

- A. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. B. Giam chân địch ở vùng rừng núi.
C. Khai thông đường biên giới Việt-Trung. D. Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 7: Điều **không** phải là lý do để đến năm 1950, Liên Xô mới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam?

- A. Liên Xô đang bận giúp các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.
B. Liên Xô đang tập trung cho kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1945 - 1950).
C. Việt Nam không phải là vùng ảnh hưởng của Liên Xô theo quy định của hội nghị Ianta.
D. Liên Xô không muốn đối đầu trực tiếp với Mỹ ở khu vực châu Á.

Câu 8: Bài học rút ra từ thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc năm 1947 và Biên giới năm 1950 là gì?

- A. Đánh địch khi chúng còn mạnh. B. Tiêu hao sinh lực địch.
C. Mở chiến dịch đánh ở các mặt trận. D. Chủ động mở chiến dịch khi có thời cơ thuận lợi.

Câu 9: Các tướng lĩnh Pháp – Mỹ đã coi tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là:

- A. “một tập đoàn quân chủ lực”. B. “một pháo đài bất khả xâm phạm”.
C. “một pháo đài bất khả chiến bại”. D. “một sở chỉ huy vùng tây bắc”.

Câu 10: Nội dung nào **không** phản ánh nguyên nhân khiến Pháp biến Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương?

- A. Kế hoạch Nava trong quá trình thực hiện đã có sự điều chỉnh.
B. Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược do Pháp chủ động lựa chọn.
C. Pháp rất ý thức về vị trí chiến lược quan trọng của Điện Biên.
D. Kế hoạch Nava của Pháp đã bị thất bại hoàn toàn.

Câu 11: Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam đã:

- A. đánh dấu mốc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.
B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp.
C. buộc Pháp phải ngồi vào đàm phán tại Gionevơ.
D. bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

Câu 12: Mỹ can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945 – 1954) vì nguyên nhân gì?

- A. Muốn giúp Pháp hoàn thành xâm lược Đông Dương.
B. Cả Pháp và Mỹ cùng trong phe tư bản chủ nghĩa.
C. Muốn từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
D. Muốn thúc đẩy tự do dân chủ ở khu vực Đông Dương.

Câu 13: Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là:

- A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.
C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.
D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 14: Vì sao Đại hội Đại biểu lần II của Đảng (1951) lại đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

- A. Đảng vẫn tiếp tục nắm quyền lãnh đạo cách mạng.
- B. Đã hoàn thiện được đường lối đấu tranh, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với cuộc kháng chiến.
- C. Đã giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.
- D. Đã đưa Đảng ra hoạt động công khai, tiếp tục nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 15: Anh hùng lao động nào được vinh danh tại Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất được mệnh danh là “cha đẻ” của ngành công nghiệp quốc phòng Việt Nam?

- A. Ngô Gia Khảm. B. Hoàng Hanh. C. Trần Đại Nghĩa. D. Cù Chính Lan.

Câu 16: Bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) được vận dụng trong xây dựng đất nước hiện nay là:

- A. kết hợp đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
- B. đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của nhân dân.
- C. tận dụng thời cơ, chớp thời cơ cách mạng kịp thời.
- D. kiên quyết, khéo léo trong đấu tranh quân sự.

Câu 17: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam, chiến thắng nào của ta được ghi nhận là “cái mốc bằng vàng, nơi ghi dấu chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc”?

- A. Chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947. B. Chiến thắng Biên giới thu đông năm 1950.
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. D. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.

Câu 18: Nội dung nào **không** phản ánh đúng thành tựu của công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam trong những năm 1954 - 1956?

- A. Đã chia được 81 vạn héc-ta ruộng đất cho các hộ nông dân.
- B. Hơn 2,2 triệu hộ gia đình nông dân Việt Nam được cấp ruộng đất.
- C. Thủ tiêu hoàn toàn thế lực kinh tế của giai cấp địa chủ nông thôn.
- D. Góp phần hình thành tầng lớp tiểu địa chủ ở nông thôn miền Bắc.

Câu 19: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) được tổ chức trong hoàn cảnh nào?

- A. Miền Bắc đã hoàn thành công cuộc xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhân dân đang phấn khởi tin tưởng bắt tay xây dựng chế độ mới.
- B. Cách mạng miền Nam đang đứng trước những khó khăn lớn, chính sách "tố cộng, diệt cộng" của Mĩ - Diệm đã làm cho lực lượng cách mạng tổn thất nặng nề.
- C. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta đang gặp khó khăn, chưa có sự ủng hộ của các lực lượng hòa bình trên thế giới.
- D. Cách mạng hai miền Nam đang chuyển sang thế tiến công, miền Bắc đã hoàn thành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế.

Câu 20: Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” của quân dân miền Nam Việt Nam?

- A. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- B. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- C. Làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.
- D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

Câu 21: Thủ đoạn đóng vai trò “xương sống” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ là:

- A. tăng cường viện trợ quân sự, cố vấn quân sự, quân đội Sài Gòn.
- B. thực hiện chiến thuật mới “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- C. dồn dân lập “Áp chiến lược”.
- D. lập bộ chỉ huy quân sự Mĩ ở miền Nam.

Câu 22: Âm mưu chiến lược của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ là gì?

- A. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ nhằm chiếm lấy Việt Nam.
- B. Chia cắt nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.
- C. Biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ không quân của Mĩ ở Đông Dương.
- D. Dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

Câu 23: Phong trào “Đồng Khởi” (1959 – 1960) nổ ra đầu tiên ở đâu?

- A. Vĩnh Thạnh (Bình Định). B. Bác Ái (Ninh Thuận).
C. Trà Bồng (Quảng Ngãi). D. Mỏ Cày (Bến Tre).

III.2. Câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai:

Câu 1. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946):

- a) Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước, ta đã thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản nhưng thực dân Pháp sau khi đạt được mục tiêu kéo quân ra Bắc, lại bội ước và tăng cường các hành động khiêu khích.
b) Pháp ngày càng bộc lộ âm mưu thôn tính nước ta, xé bỏ hiệp ước sơ bộ, tạm ước và gây chiến ở nhiều nơi trên nước ta.
c) Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước, Pháp vừa tăng cường lực lượng ở miền Bắc, vừa chủ động tìm kiếm thêm các giải pháp hòa bình với ta.
d) Các hành động khiêu khích của Pháp chủ yếu nhằm giải quyết các mâu thuẫn nội bộ.

Câu 2. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về bối cảnh ảnh hưởng tới chiến dịch Biên giới thu - đông 1950:

- a) Sự ra đời của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa tạo chỗ dựa vững chắc cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.
b) Mỹ và Liên Xô đưa quân vào Việt Nam, tạo nên sự đối đầu quân sự trực tiếp của hai khối này.
c) Mỹ từng bước can thiệp sâu hơn vào tình hình Đông Dương.
d) Pháp đã tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của Việt Nam, khoá chặt biên giới Việt-Trung.

Câu 3. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá trong giai đoạn 1951- 1954:

- a) Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.
b) Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam còn nhận được nguồn viện trợ vật chất từ nhiều nước trên thế giới.
c) Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở rộng quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước châu Âu trong giai đoạn này.
d) Các chính sách kinh tế tập trung chủ yếu vào phát triển công nghiệp nặng để đáp ứng nhu cầu kháng chiến.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d:

“Các đảng viên Cộng sản (Pháp) ngay từ lúc này đã tích cực bênh vực Việt Minh. Cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp đối với họ là một “cuộc chiến tranh bản thu. Còn đối với những người khác, đây là một “cuộc chiến tranh nhục nhã”, “cuộc chiến tranh không dám xưng tên”.....

(Hen-ri Na-va. *Đông Dương hấp hối*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.15)

- a) Đoạn tư liệu phản ánh nguyên nhân thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
b) Nhận định của Hen-ri Na-va thể hiện tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh mà thực dân Pháp tiến hành ở Việt Nam.
c) Đoạn tư liệu phản ánh ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954) của Việt Nam.
d) Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức đa chiều về cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam

Câu 5. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về những thành tựu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (1954-1965):

- a) Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1957).
b) Đánh dấu bước chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
c) Tiến hành cải cách mở cửa với nội dung chính là lấy kinh tế làm trọng tâm.

d) Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam (1961-1965).

Câu 6. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965):

a) Nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của Việt Nam.

b) Được tiến hành bằng quân đội tay sai do cố vấn Mỹ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.

c) Nhằm khoá chặt biên giới Việt-Trung, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

d) Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, tiến hành dồn dân, lập ấp chiến lược.

III.3. Câu hỏi tự luận minh họa:

Câu 1: Vì sao nói: Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự kiện "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu"?

Câu 2: Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

Câu 3: Mô tả những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954?

*** Gợi ý:**

Câu 1: Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự kiện "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" vì

+ Đập tan Kế hoạch Na-va, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi.

+ Chiến thắng này cũng là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 2:

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, chấm dứt ách thống trị thực dân của Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta.

- Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là ở các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh.

*** Nguyên nhân thắng lợi:**

- Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự và đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

- Được tiến hành trong điều kiện:

+ Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước.

+ Có Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng.

+ Lực lượng vũ trang ba thứ quân sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh.

+ Hậu phương rộng lớn được xây dựng vững chắc về mọi mặt.

- Có sự liên minh chiến đấu với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia, sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

Câu 3: Mô tả những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954

- Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) họp, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng. Đây là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, là Đại hội kháng chiến thắng lợi.

- Tháng 3/1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) được thành lập trên cơ sở hợp nhất được Việt Minh và Hội Liên Việt.

- Năm 1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức để tổng kết, biểu dương thành tích trong sản xuất và chiến đấu.

B. Phần Địa lý**I. Nội dung trọng tâm**

- Vùng Bắc Trung Bộ
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

II. Hình thức kiểm tra

- 70% trắc nghiệm khách quan - 30% tự luận.

III. Một số dạng câu hỏi minh họa**Phần I. Trắc nghiệm khách quan**

1. Câu trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn: HS chỉ chọn một phương án đúng

Câu 1. Phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ giáp với dãy núi nào sau đây?

- A. Hoành Sơn B. Bạch Mã C. Trường Sơn Nam D. Tam Điệp

Câu 2. Bắc Trung Bộ **không** giáp với vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 3. Nghề cá là nghề trọng điểm của tỉnh nào ở khu vực Bắc Trung Bộ?

- A. Nghệ An B. Thanh Hóa C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình

Câu 4. Ở các đồng bằng Bắc Trung Bộ, phần lớn là

- A. đất cát pha. B. đất mặn. C. đất phù sa. D. đất phèn.

Câu 5. Vùng Bắc Trung Bộ có di sản văn hóa và di sản thiên nhiên nào được UNESCO công nhận là:

- A. Cố đô Huế, Quần thể lăng tẩm ở Huế.
B. Cố đô Huế, động Phong Nha - Kẻ Bàng.
C. Lăng Khải Định, Phong Nha - Kẻ Bàng.
D. Quần thể Cố đô Huế, Lăng vua Tự Đức.

Câu 6. Các điểm du lịch nổi tiếng nào sau đây không thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Cửa Lò, Cố đô Huế B. Vịnh Hạ Long, Cát Bà
C. Nhật Lệ, Lăng Cô D. Sầm Sơn, Thiên Cầm

Câu 7. Các tỉnh trọng điểm sản xuất lúa ở Bắc Trung Bộ là

- A. Thanh Hóa, Quảng Bình, Huế. B. Hà Tĩnh, Nghệ An, Huế.
C. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An. D. Hà Tĩnh, Huế, Quảng Bình.

Câu 8. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là:

- A. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc.
B. sản xuất công nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ du lịch.
C. nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất lương thực và trồng lúa nước.
D. trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản, gia cầm.

Câu 9. Giải pháp để Bắc Trung Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu là

- A. trồng giống lúa ngắn ngày và chịu hạn.
B. sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
C. hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.
D. áp dụng các công nghệ sản xuất xanh.

Câu 10. Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.
B. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.
C. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.
D. Nguồn lao động tập trung ở thành phố, thị xã.

Câu 11: Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc:

- A. Tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. B. Tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên.
C. TP Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa. D. Tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận.

Câu 12: Khoáng sản chính của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Sắt, đá vôi, cao lanh. B. Than nâu, mangan, thiếc.
C. Đồng, Apatít, vàng. D. Cát thủy tinh, ti tan, vàng.

Câu 13: Các di sản văn hóa của thế giới trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Cố đô Huế, nhã nhạc cung đình Huế B. vịnh Hạ Long, Phong Nha- Kẻ Bàng
C. Ca trù, quan họ Bắc Ninh D. Phố cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn

Câu 14: Hoạt động kinh tế ở khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là:

- A. chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp hằng năm và lâu năm
B. nuôi bò, nghề rừng, trồng cà phê.
C. công nghiệp, thương mại, thủy sản
D. trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giao thông.

Câu 15: Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

- A. Kinh tế biển. B. Sản xuất lương thực.
C. Thủy điện. D. Khai thác khoáng sản.

Câu 16: Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là:

- A. có các ngư trường rộng lớn. B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
C. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá. D. có các điều kiện hải văn thuận lợi.

Câu 17: Trung tâm du lịch quan trọng nhất của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Nha Trang. B. Phan Thiết. C. Đà Nẵng. D. Quảng Ngãi.

Câu 18: Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nhiều vụng, đầm phá, bãi triều.
B. Bờ biển dài, có các ngư trường lớn.
C. Ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc.
D. Bờ biển có nhiều vịnh để xây dựng cảng cá.

Câu 19: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ là

- A. địa hình phân hoá sâu sắc. B. ảnh hưởng của gió phơn và bão.
C. thiếu nước, nhất là vào mùa khô. D. nạn cát bay lấn sâu vào ruộng đồng.

Câu 20: Ý nghĩa chủ yếu việc nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam ở Duyên hải Nam Trung bộ là

- A. tăng vai trò trung chuyển của vùng.
B. đẩy mạnh sự giao lưu giữa các tỉnh.
C. tăng cường giao lưu với vùng Tây Nguyên.
D. tăng cường quan hệ với các nước láng giềng.

Phần II: Tự luận

Câu 1: Nêu ý nghĩa vị trí địa lý của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đối với nước ta?

Câu 2: Dựa trên những điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Bắc Trung Bộ, em hãy đề xuất một số biện pháp để phát triển bền vững ngành nông – lâm nghiệp trong vùng?

GỢI Ý TRẢ LỜI.

Phần I: Trắc nghiệm khách quan: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Phần II: Tự luận

Câu 1: Vị trí địa lí của vùng duyên hải Nam Trung Bộ có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế và an ninh quốc phòng:

- + Nằm ở vị trí trung chuyển giữa hai miền Bắc và Nam, kết nối Tây Nguyên với các cảng biển phía Đông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông và trao đổi hàng hóa.
- + Các đảo và quần đảo trong vùng cũng có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế và quốc phòng, góp phần bảo vệ an ninh và phát triển kinh tế của cả nước.

Câu 2: Một số biện pháp phát triển bền vững nông – lâm nghiệp:

- Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp, giúp tận dụng tài nguyên đất rừng hiệu quả và giảm nguy cơ thiên tai.
- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, như chọn giống cây trồng chịu hạn và thâm canh.

- Chú trọng bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển và đầu nguồn để giảm tác động của thiên tai.

MÔN: CÔNG NGHỆ

I. LÝ THUYẾT

HS ôn tập lý thuyết từ bài 1: Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ đến bài 2: Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân

II. BÀI TẬP MINH HỌA

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

PHẦN 1- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với xã hội?

- A. Giúp con người phát triển, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề nghiệp; tạo ra thu nhập ổn định, tránh xa được các tệ nạn xã hội.
- B. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành, trái nghề gây ra những lãng phí cho xã hội.
- C. Góp phần đảm bảo công tác quy hoạch và phát triển thị trường lao động.
- D. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

Câu 2: Điểm giống nhau của nghề nghiệp và việc làm là:

- A. Sử dụng kỹ năng, kỹ xảo, kiến thức để tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- B. Bao gồm những công việc nhất thời và lâu dài, đáp ứng nhu cầu kiếm sống.
- C. Là dạng lao động đòi hỏi ở con người quá trình đào tạo chuyên biệt.
- D. Là quá trình người lao động được giao cho làm và được trả công.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

- A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.
- B. Đối với lĩnh vực kỹ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.
- C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.
- D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

Câu 4: Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ?

- A. Kỹ sư tự động hóa. B. Thợ cơ khí. C. Kỹ sư điện. D. Kỹ thuật hệ thống.

Câu 5: Lập trình viên còn được gọi là:

- A. Kỹ sư máy tính. B. Nhà phát triển phần mềm.
- C. Kỹ sư lập trình phần mềm. D. Nhà thiết kế phần mềm, ứng dụng mới.

Câu 6: Công việc của thợ cơ khí là:

- A. Lắp đặt, chế tạo, vận hành máy móc hoặc sửa chữa, phục hồi, thay thế các bộ phận hư hỏng trên máy móc.
- B. Nghiên cứu, vận hành, theo dõi các hệ thống tự động, dây chuyền sản xuất tự động, phát hiện và sửa chữa cũng như khắc phục những sai sót của hệ thống một cách kịp thời.
- C. Phụ trách nghiên cứu, thiết kế, triển khai xây dựng và hoàn thiện những vấn đề liên quan đến hệ thống điện.
- D. Chịu trách nhiệm lên kế hoạch triển khai các hệ thống mới, xử lý lỗi phần mềm và nâng cao hiệu suất của toàn bộ hệ thống.

Câu 7: Việc lựa chọn đúng nghề nghiệp có ý nghĩa gì đối với xã hội?

- A. Xây dựng được kế hoạch tương lai một cách chắc chắn.
- B. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành, trái nghề gây ra những lãng phí cho xã hội.

C. Tạo ra thu nhập đảm bảo cho cuộc sống của cá nhân và gia đình.

D. Giúp mỗi cá nhân tránh xa được tất cả các tệ nạn xã hội.

Câu 8: Sản phẩm lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ có đặc điểm gì?

A. Các sản phẩm cơ khí, kỹ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

B. Các ứng dụng, phần mềm phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

C. Các sản phẩm cơ khí, kỹ thuật phục vụ đời sống sinh hoạt của con người.

D. Các sản phẩm cơ khí, kỹ thuật, các ứng dụng, phần mềm phục vụ tất cả các lĩnh vực đời sống của con người.

Câu 9: Đối tượng lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là:

A. Các sản phẩm cơ khí, kỹ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

B. Các thiết bị, công nghệ hiện đại trong quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo ứng dụng, phần mềm.

C. Các phương tiện, thiết bị của ngành nghề kỹ thuật, công nghiệp.

D. Các nguyên lý vật lý, kỹ thuật, khoa học công nghệ trong quá trình thiết kế; những thiết bị, máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong đời sống.

Câu 10: Môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ có đặc điểm gì?

A. Truyền thống, ít biến đổi.

B. Ít hoặc không tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.

C. Tiếp xúc nhiều với các thiết bị, công nghệ hiện đại.

D. Không có nhiều áp lực về công việc.

Câu 11: Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là:

A. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.

B. Chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.

C. Có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

D. Cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

Câu 12: Mô tả nào dưới đây không đúng về công việc nghề kỹ sư nông nghiệp?

A. Hoạch định các dự án phát triển nông nghiệp.

B. Thực hiện công việc lai tạo giống cây trồng mới có năng suất.

C. Tư vấn cho nông dân và cập nhật các kiến thức liên quan đến phân bón, hạt giống,...

D. Ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật hiện đại tạo nên các thiết bị điện tử.

Câu 13: Chọn phát biểu sai về đặc điểm của nghề nghiệp.

A. Gắn bó lâu dài với mỗi người.

B. Có sự biến đổi về số lượng nghề.

C. Không có sự biến đổi về tính chất công việc.

D. Phục vụ cho đời sống cá nhân, gia đình và xã hội.

Câu 14: Người lao động trong ngành kỹ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu về phẩm chất nào dưới đây?

A. Chấp hành nghiêm kỉ luật lao động, trung thực.

B. Làm việc thiếu trách nhiệm.

C. Không tuân thủ đúng quy định.

D. Làm việc mất an toàn lao động.

Câu 15: Chọn phát biểu sai về công việc của thợ sửa chữa ô tô trong hình dưới đây:

- A. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo ô tô. B. Kiểm tra, bảo dưỡng định kì ô tô.
C. Sửa chữa các bộ phận hỏng của ô tô. D. Thay thế các bộ phận bị hỏng của ô tô.

Câu 16: Yêu cầu nào dưới đây không phù hợp với một nhà tư vấn nông nghiệp?

- A. Hiểu biết chuyên môn về lĩnh vực sinh học. B. Kinh nghiệm thực tế và khả năng sáng tạo, kiên trì.
C. Có trí tưởng tượng không gian tốt. D. Tuân thủ quy trình, quy định.

Câu 17: Yêu cầu nào dưới đây không phù hợp với một thợ điện?

- A. Làm việc kiên trì, thận trọng và chính xác.
B. Tuân thủ các quy trình an toàn điện.
C. Hiểu biết chuyên môn về kĩ thuật điện tử, cơ khí,...
D. Hiểu biết chuyên môn về động cơ đốt trong.

Câu 18: Nhóm ngành nào được đào tạo từ trình độ trung cấp đến tiến sĩ?

- A. Nhóm ngành an toàn thông tin có đào tạo, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện.
B. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật vật liệu xây dựng và công nghệ kĩ thuật cơ điện tử, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện.
C. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện tử - viễn thông.
D. Nhóm ngành công nghệ thông tin, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện.

Câu 19: Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

- A. Theo học các ngành thuộc lĩnh vực, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.
B. Theo học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
C. Lựa chọn các trường cao đẳng hoặc đại học có đào tạo nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
D. Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Câu 20: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp và cao đẳng gồm các cấp bậc nào?

- A. Bậc 6, 7, 8. B. Bậc 7, 8. C. Bậc 4, 5. D. Bậc 5, 6, 7.

Câu 21: Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học gồm các cấp bậc nào?

- A. Bậc 7, 8, 9. B. Bậc 5, 6, 7. C. Bậc 2, 3, 4. D. Bậc 6, 7, 8.

Câu 22: 6 trình độ đào tạo theo khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành là?

- A. Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và đại học.
B. Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.
C. Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.
D. Trung học phổ thông, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Câu 23: Hướng đi phù hợp với những học sinh mong muốn nhanh chóng tham gia vào thị trường là gì?

- A. Học tập mô hình đào tạo 9+ theo Tổng cục Dạy nghề, Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.
- B. Học tập mô hình 9+ theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.
- C. Học tập mô hình 9+ theo Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- D. Học tập mô hình 9+ theo Tổng cục Dạy nghề, Lao động – Thương binh ban hành.
- Câu 24: Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam bao gồm?
- A. Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
- B. Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.
- C. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông.
- D. Giáo dục mầm non và giáo dục đại học.
- Câu 25: Giáo dục phổ thông bao gồm
- A. Nhà trẻ, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.
- B. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.
- C. Giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông và đại học.
- D. Giáo dục trung học phổ thông, đào tạo tiến sĩ và giáo dục thường xuyên.
- Câu 26: Giáo dục nghề nghiệp bao gồm
- A. Trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.
- B. Trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- C. Trình độ giáo dục thường xuyên.
- D. Trình độ giáo dục phổ thông và trình độ giáo dục đại học.
- Câu 27: Giáo dục đại học dành cho những đối tượng nào?
- A. Dành cho người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ thạc sĩ; dành cho trình độ tiến sĩ.
- B. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ tiến sĩ.
- C. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng.
- D. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ thạc sĩ; dành cho trình độ tiến sĩ.
- Câu 28: Giáo dục thường xuyên dành cho những đối tượng nào?
- A. Người ở lứa tuổi từ lớp 10 đến lớp 12, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.
- B. Người ở các lứa tuổi và trình độ, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.
- C. Người ở lứa tuổi từ lớp 6 đến lớp 9, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.
- D. Người ở lứa tuổi từ năm 1 đến năm 2 đại học, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.
- Câu 29: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống khi nói về khái niệm phân luồng trong giáo dục
Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện (1) ... trong giáo dục, tạo (2) ... để học sinh tốt nghiệp (3) ..., (4) ... tiếp tục học ở cấp học.
- A. (1) đào tạo; (2) điều kiện; (3) trung học phổ thông; (4) đại học.
- B. (1) đào tạo; (2) điều kiện; (3) trung học cơ sở; (4) trung học phổ thông.
- C. (1) hướng nghiệp; (2) tiền đề; (3) trung học cơ sở; (4) trung học phổ thông.
- D. (1) hướng nghiệp; (2) điều kiện; (3) tiểu học; (4) trung học cơ sở.
- Câu 30: Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng là gì?
- A. Sau tốt nghiệp trung học phổ thông và sau tốt nghiệp đại học.

- B. Sau tốt nghiệp trung học tiểu học và sau tốt nghiệp trung học cơ sở.
- C. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở và sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
- D. Sau tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ.

Câu 31: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam?

- A. Cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân được quy định theo Luật Giáo dục (2019).
- B. Giáo dục thường xuyên gồm trung học cơ sở, trung học phổ thông và bồi dưỡng nâng cao trình độ.
- C. Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
- D. Giáo dục đại học đào tạo trình độ đại học, trình độ Thạc sĩ.

Câu 32: Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, bạn A không muốn tiếp tục học lên trung học phổ thông. Nếu A muốn được đào tạo trình độ trung cấp về lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ thì bạn ấy sẽ học ở đâu?

- A. Tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- B. Tại các trường trung học phổ thông.
- C. Tại các cơ sở giáo dục thường xuyên.
- D. Tại các trường đại học.

Câu 33: Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn những hướng đi nào?

- A. Tham gia thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ với những nghề, công việc thuộc nhóm nghề nghiệp lao động có chuyên môn cao.
- B. Tiếp tục học cấp trung học phổ thông và làm thêm ngoài giờ học với những nghề, công việc thuộc nhóm nghề nghiệp lao động đơn giản.
- C. Tiếp tục học các ngành nghề trình độ sơ cấp hoặc trung cấp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ tại các cơ sở giáo dục đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp để trở thành những lao động thủ công hoặc lao động có kỹ năng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- D. Tiếp tục học tại trung tâm giáo dục thường xuyên và làm thêm ngoài giờ học với những nghề, công việc thuộc nhóm nghề nghiệp lao động đơn giản.

Câu 34: Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

- A. Kỹ thuật viên điện dân dụng.
- B. thợ sửa chữa điện dân dụng.
- C. Kỹ sư điện.
- D. thợ hàn.

Câu 35: Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể tham gia lao động sản xuất tại địa phương hoặc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ khi nào?

- A. Khi đã đủ 18 tuổi.
- B. Khi đủ 15 tuổi và làm những công việc được quy định trong Bộ luật Lao động (2019).
- C. Sau khi hoàn thành xong khóa học đào tạo dài hạn về chuyên môn.
- D. Chỉ khi đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

PHẦN 2- Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Chọn đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi ý a, b, c, d.

Câu 36: Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người:

- a. Mang lại cho con người nguồn thu nhập ổn định, bền vững để chăm lo cho bản thân và gia đình.
- b. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.
- c. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỷ cương, ổn định xã hội.
- d. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 37: ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với cá nhân

- a. Giúp con người phát triển nghề nghiệp, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề, có thu nhập ổn định và tránh xa được các tệ nạn xã hội.

- b. Là nền tảng để có được sự thành công trong công việc và sự hài lòng, hạnh phúc với công việc mình đã chọn.
- c. Là cơ hội để mỗi cá nhân xây dựng được kế hoạch gia đình tương lai một cách chắc chắn.
- d. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

Câu 38. hướng đi của học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở

- a. Vào học tại các trường trung học phổ thông (công lập hoặc tư thục).
- b. Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.
- c. Lựa chọn các trường cao đẳng hoặc đại học có đào tạo nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- d. Vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc vào học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

BÀI TẬP TỰ LUẬN

Câu 39.

- a. Theo em, phân luồng trong giáo dục là gì?
- b. Em hãy cho biết: Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, có những hướng đi nào có thể lựa chọn để theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

Câu 40.

- a. Theo em, lựa chọn đúng nghề nghiệp có ý nghĩa gì?
- b. Em hãy cho biết các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

Câu 41. Cho 3 nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ : kỹ sư cơ khí, kỹ sư điện, kỹ sư xây dựng.

Em hãy phân tích để chỉ ra những đặc điểm và yêu cầu chung của chúng đối với người lao động.

MÔN: GDCD

I. NỘI DUNG ÔN TẬP. Các bài từ tuần 19 đến tuần 23 trong đó trọng tâm kiến thức:

- Bài 7: Thích ứng với thay đổi
- Bài 8: Tiêu dùng thông minh

* Yêu cầu:

- *Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.*
- *Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống...*
- *Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh...*
- *Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.*

* **Lưu ý:** Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy trong nội dung bài học. Dưới đây là một số câu hỏi trắc nghiệm gợi ý.

Câu 1: Đâu **không** phải là biểu hiện của người thích ứng tốt với thay đổi?

A. Y cảm thấy thật tự hào và hãnh diện về vẻ bề ngoài của mình.

a. B. L muốn lắng tránh người khác khi bạn có vết sẹo trên trán.

C. T thấy hạnh phúc khi anh trai của mình đã cưới vợ.

D. H luôn biết kiểm soát tiền ăn hàng tháng dù giá cả đã tăng.

Câu 2: Chấp nhận sự thay đổi là tất yếu có nghĩa là gì?

b. A. Cần xác định sự thay đổi là điều không thể tránh khỏi trong cuộc sống.

B. Trước những biến cố bất ngờ, cần biết kìm nén cảm xúc.

C. Giữ thái độ sợ hãi, lo lắng trước sự thay đổi.

D. Quyết định nhanh chóng để giải quyết thay đổi xảy ra.

Câu 3. Việc thích ứng với những thay đổi sẽ giúp mỗi người

A. hoàn thiện và phát triển bản thân.

- B. thu được nhiều lợi ích vật chất.
- C. tạo dựng được lối sống tối giản.
- D. xây dựng được lối sống “xanh”.

Câu 4. Bạn T có mẹ làm công nhân và bố làm kĩ sư. Trong khi làm việc, không may mẹ của bạn T bị tai nạn lao động phải nằm viện sáu tháng. Thời gian đầu, mọi sinh hoạt của gia đình bị đảo lộn. Bố bạn T phải xin nghỉ việc không lương để vào bệnh viện chăm sóc mẹ. Bạn T phải thay bố mẹ quán xuyến công việc gia đình. Trong trường hợp sau, gia đình bạn T phải đối mặt với khó khăn nào?

- A. Cuộc sống bị xáo trộn do thay đổi môi trường sống.
- B. Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.
- C. Sức khỏe người thân và thu nhập gia đình bị suy giảm.
- D. Thất nghiệp do nhà máy áp dụng các máy móc hiện đại.

Câu 5. Nhận định nào dưới đây **không đúng** khi bàn về vấn đề: thích ứng với thay đổi?

- A. Chúng ta cứ duy trì cuộc sống hiện tại, không cần thiết phải thích ứng với sự thay đổi.
- B. Khi biến cố xảy ra, chúng ta cần giữ bình tĩnh; kiểm soát và hạn chế cảm xúc tiêu cực.
- C. Khi biến cố xảy ra, chúng ta cần chủ động tìm cách giải quyết theo hướng tích cực.
- D. Chấp nhận là điều kiện tiên quyết để có thể đổi diện và thích ứng với thay đổi.

Câu 6. Mấy tuần nay, K luôn cảm thấy sợ hãi vì những tin nhắn nói xấu mình trên mạng xã hội; thậm chí, còn có người lạ mặt nhắn tin đe dọa sẽ chặn đánh K trên đường đi học. Nếu là K, em nên lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây?

- A. Ở trong phòng một mình, không tâm sự với ai.
- B. Kiên quyết không đi học để phòng tránh rủi ro.
- C. Bình tĩnh, tìm sự giúp đỡ của người thân, thầy cô giáo.
- D. Nhắn tin lại cho người lạ mặt kia với thái độ thách thức.

Câu 7 : Biện pháp nào **không** phải thích ứng với thay đổi trong cuộc sống?

- A. Thích ứng trong mọi trường hợp
- B. Chấp nhận sự thay đổi là tất yếu.
- C. Giữ sự bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh.
- D. Chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực.

Câu 8: Thích ứng tốt với thay đổi là người như thế nào?

- A. Nóng tính, quyết đoán.
- B. Vội vàng, bộp chộp.
- C. Điềm tĩnh, gan dạ.
- D. Tiêu cực, bảo thủ.

Câu 9: Khi có một sự thay đổi đột ngột, bạn thường xử lý như thế nào?

- A. Hoảng loạn và không biết phải làm gì.
- B. Tìm kiếm thông tin và lên kế hoạch thích ứng.
- C. Chờ đợi và xem xét tình hình trước khi hành động.
- D. Sợ hãi và nhờ người khác giúp đỡ.

Câu 10: Tại sao mỗi cá nhân cần phải thích ứng với sự thay đổi?

- A. Việc thích ứng với sự thay đổi giúp cho bản thân tự nâng cao ý thức, lòng tự trọng của mỗi người.
- B. Việc thích ứng với sự thay đổi bắt buộc con người phải phát triển theo hướng mà người đưa ra kỷ luật mong muốn.
- C. Việc thích ứng với sự thay đổi giúp cho bản thân dễ dàng học tập và phát triển hơn.
- D. Việc thích ứng với sự thay đổi giúp cho xã hội không có sự phân biệt đối xử, phân biệt giai tầng trong xã hội.

Câu 11: Cho tình huống:

	Trong lớp học, Linh được khen là bạn nữ dịu dàng, khéo léo và không để mất lòng ai. Trong các buổi học		
--	--	--	--

Câu	nhóm, nếu có tranh luận xảy ra, mặc dù biết rõ ai đúng, ai sai nhưng Linh cũng không đưa ra ý kiến vì không muốn mất lòng các bạn. Theo em, Linh là người như thế nào?	Đúng	Sai
a)	Linh là người mạnh mẽ, quyết liệt.		
b)	Linh là người chưa được tự tin, chưa linh hoạt.		
c)	Linh là người có ý chí phấn đấu, có chí tiến thủ.		
d)	Linh là người chăm chỉ, cần cù.		

Câu 12: Cho tình huống:

Câu	Hoàng đang học và làm việc ở nước Anh. Gần đây, Hoàng nghe tin mẹ ốm nặng và phải nhập viện. Hoàng rất nhớ và thương mẹ nhưng không thể về nhà với mẹ vì Hoàng đang dở dang công việc. Nếu là bạn thân của Hoàng, em sẽ làm gì để giúp Hoàng?	Đúng	Sai
a)	Khuyên Hoàng gác công việc lại và đặt vé bay về với mẹ.		
b)	Đề Hoàng tự sắp xếp và giải quyết vì Hoàng đã lớn.		
c)	An ủi Hoàng và khuyên Hoàng nên bình tĩnh lại, hỏi thăm tình hình của mẹ để giải quyết tiếp vì ở nhà vẫn có người thân chăm sóc mẹ.		
d)	Ủng hộ cho Hoàng về quê thăm mẹ, công việc giao lại cho mình.		

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Em hãy nêu một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình em?

Câu 2. Theo em, việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi con người?

Câu 3. Thế nào là tiêu dùng thông minh? Cho 2 ví dụ cụ thể về tiêu dùng thông minh?

Câu 4. Em hãy nhận xét về hành vi tiêu dùng của các chủ thể trong các trường hợp dưới đây.

a) Khi mua hàng, chị A luôn quan tâm đến chất lượng sản phẩm.

b) Bạn K thường dựa vào đánh giá của người khác khi mua hàng trực tuyến.

c. Bạn K rất thích mua sắm trên mạng, khi có khuyến mại, K thường đặt mua rất nhiều đồ để dùng dần.

d) Bạn H luôn mua sắm những sản phẩm đắt tiền để thể hiện đẳng cấp của bản thân.

*** BÀI TẬP TÌNH HUỐNG.** Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1.

Từ hai năm nay, nghề trồng trọt của gia đình ông Minh gặp khó khăn do trái cây rớt giá liên tục. Ông Minh quyết định ra thành phố làm thuê theo vụ việc. Công việc vất vả, nhưng có thu nhập thường xuyên nên ông cũng yên tâm hơn. Ở nhà vẫn các công việc trước đây ông là người trụ cột thì nay vợ ông phải làm thay. Trong nhà có hai chị em Hạnh và Quân đều phải đi học, mà Quân thì còn nhỏ nên Hạnh phải cùng mẹ làm việc nhiều hơn trước. Phải lao động vất vả, Hạnh không còn được nghỉ ngơi, đi chơi những ngày nghỉ với bạn bè như trước đây.

Câu hỏi:

a) Những thay đổi nào đã đến với gia đình ông Minh? Những thay đổi đó đã tác động đến các thành viên trong gia đình như thế nào?

b) Mọi người trong gia đình ông Minh cần có biện pháp nào để vượt qua sự thay đổi của hoàn cảnh?

Tình huống 2: *K có một số tiền mừng tuổi và tiết kiệm được. K dự định dùng số tiền này để mua một chiếc điện thoại. Khi thấy một trang mạng quảng cáo giá điện thoại định mua chỉ bằng một nửa so với giá bán ở siêu thị nhưng phải chuyển khoản trước, bạn thân của K khuyên K nên cân nhắc và tìm hiểu cẩn thận trước khi mua nhưng K vẫn quyết định mua hàng ở trang mạng đó.*

Câu hỏi: Nếu là người tiêu dùng thông minh, em có lựa chọn mua sản phẩm ở trang mạng đó không? Vì sao?

GỢI Ý NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

Câu 1. Em hãy nêu một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình em?

Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình như: sức khỏe giảm, môi trường sống, hoàn cảnh gia đình, sự ra đi của người thân, tài chính suy giảm, thay đổi chỗ ở...

Câu 2. Theo em, việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?

- Dự đoán trước những thay đổi có thể xảy ra và dự đoán trước những tác động của những thay đổi đó tới bản thân.

- Chủ động tìm hiểu các cách để thích ứng với những thay đổi đã dự đoán.

- Chấp nhận sự thay đổi: kiểm soát và hạn chế cảm xúc tiêu cực, sẵn sàng đối mặt với khó khăn và thách thức, tận dụng cơ hội để thích ứng, giúp chúng ta vượt qua khó khăn và sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.

Câu 3. Thế nào là tiêu dùng thông minh, tiêu dùng thông minh có ý nghĩa như thế nào đối với người tiêu dùng và quyền lợi khách hàng.

+ Tiêu dùng thông minh là việc biết chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của bản thân.

+ Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, phù hợp với mục đích tiêu dùng của cá nhân, tiết kiệm được tiền bạc và thời gian, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

Câu 4: Học sinh tự làm.

*** BÀI TẬP TÌNH HUỐNG.** *H/s vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống có trong thực tế.*

MÔN: HDTNHN

I/ Trọng tâm ôn tập:

- Chủ đề 5. Em với gia đình
- Chủ đề 6. Em với cộng đồng
- Chủ đề 7. Em với thiên nhiên và môi trường

II/ Nội dung câu hỏi ôn tập:

1. Em hãy chia sẻ một số kinh nghiệm để tạo bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình.

2. Em hãy chia sẻ một số kinh nghiệm tổ chức, sắp xếp khoa học công việc trong gia đình.

3. Viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 10-15 câu về thực trạng giao tiếp của HS hiện nay trên mạng xã hội và đưa ra một số giải pháp để giao tiếp thông minh trên mạng xã hội.

4. Trình bày, giới thiệu về một danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước (Viết đoạn văn hoặc vẽ tranh).

*** Gợi ý trả lời:**

Câu 1: *Một số kinh nghiệm để tạo bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình*

+ Nói những điều tích cực trong gia đình (ví dụ: khen ngợi, động viên khi thành viên trong gia đình làm được việc tốt hoặc khi con em học tập tiến bộ,...).

+ Thể hiện sự dè dặt, hài hước trong giao tiếp với người thân.

- + An ủi, động viên mọi người trong gia đình.
- + Quan tâm, chăm sóc người thân.
- + Tổ chức các sự kiện gắn kết các thành viên trong gia đình.
- + Tổ chức các chuyến đi tham quan, du lịch cùng nhau.
- + Khích lệ nhau suy nghĩ và hành động gắn kết yêu thương.
- + Cùng nhau chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau những lúc ai đó gặp khó khăn, thử thách.
- + Cộng đồng trách nhiệm cùng nhau giải quyết các vấn đề nảy sinh và chung sức vượt qua khó khăn, thử thách.

Câu 2. Một số kinh nghiệm tổ chức, sắp xếp khoa học công việc trong gia đình:

- + Liệt kê và phân loại những công việc cần thực hiện theo 4 nhóm (Công việc quan trọng và khẩn cấp; Công việc không quan trọng nhưng khẩn cấp; Công việc quan trọng nhưng không khẩn cấp; Công việc không quan trọng và không khẩn cấp).
- + Sắp xếp các công việc theo thứ tự ưu tiên. Sau khi đã phân loại công việc vào 4 nhóm, những công việc còn lại sẽ có thể loại bỏ nếu không cần thiết để tránh làm mất thời gian.
- + Phân phối thời gian và nguồn lực hợp lý cho các công việc theo thứ tự ưu tiên.
- + Quản lý tiến độ công việc.
- + Sử dụng công cụ quản lý thời gian như: phiếu nhắc việc, lịch bàn, thời gian biểu,...
- + Chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh.

Câu 3.

- Đoạn văn cần làm rõ được thực trạng giao tiếp của HS hiện nay trên mạng xã hội và đưa ra một số giải pháp để giao tiếp thông minh trên mạng xã hội.

Câu 4.

- + Chọn 1 danh lam thắng cảnh hoặc một cảnh quan thiên nhiên của đất nước mà em yêu thích.
- + Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 1 trang giấy) giới thiệu về địa danh hoặc vẽ 1 bức tranh về địa danh đó.

MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

I. Nội dung ôn tập

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử Hà Nội, trọng tâm những bài học sau:

1. Các ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố Hà Nội.
2. Định hướng nghề nghiệp của bản thân.

* Lưu ý: Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

I. Một số câu hỏi minh họa

Câu 1: Nêu các chủ trương của thành phố Hà Nội trong việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn?

Câu 2: Em hiểu thế nào là nghề nghiệp? Việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân?

Câu 4: Là công dân của thành phố Hà Nội, em hãy viết đoạn văn đề xuất một số biện pháp góp phần phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Hà Nội.

II. Gợi ý

Câu 1: Chủ trương của thành phố Hà Nội trong việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn:

- Thành phố sẽ xây dựng cơ chế cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách đặc thù, thí điểm cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số.
- Hà Nội đặt mục tiêu đến năm 2045, công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, theo đó Hà Nội sẽ trở thành thành phố kết nối toàn cầu, hiện đại và sáng tạo, ngang tầm các thủ đô và thành phố hàng đầu trong khu vực.
- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đồng bộ, bền vững và hội nhập quốc tế, từng địa phương xây dựng du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao, phát huy giá trị nền “văn minh sông Hồng”.

Câu 2:

* Nghề nghiệp là một hoạt động hoặc công việc mà một người thực hiện để kiếm sống hoặc phát triển sự nghiệp của mình. Nghề nghiệp thường đòi hỏi một loạt kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm cụ thể, và nó có thể được phân loại vào nhiều lĩnh vực khác nhau.

* Ý nghĩa của việc lựa chọn nghề phù hợp

- Lựa chọn nghề phù hợp giúp cá nhân khai thác tối đa khả năng, sở trường và niềm đam mê, từ đó đạt được hiệu quả cao trong công việc.
- Khi làm công việc yêu thích, con người cảm thấy thoải mái, hứng khởi, và có động lực để cống hiến lâu dài.
- Nghề phù hợp tạo cơ hội phát triển bản thân, xây dựng sự nghiệp bền vững và giảm thiểu rủi ro thay đổi nghề thường xuyên.
- Một cá nhân thành công trong nghề nghiệp của mình sẽ đóng góp tích cực vào sự tiến bộ và phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 3: Các yếu tố ảnh hưởng tới lựa chọn nghề nghiệp

- Sở thích và đam mê: Công việc phù hợp với sở thích sẽ tạo động lực và cảm hứng làm việc.
- Năng lực và kỹ năng: Khả năng chuyên môn và kỹ năng cá nhân quyết định sự phù hợp với một nghề.
- Tính cách: Tính cách ảnh hưởng đến việc lựa chọn các nghề cần sự sáng tạo, logic, giao tiếp, hay kỹ thuật.
- HS chọn nghề nào thì điền nội dung vào bảng cho phù hợp.

Câu 4: Đoạn văn cần đề ra được một số biện pháp góp phần phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Hà Nội như:

- Thành phố xây dựng một số ngành, sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng cao.

- Phát triển các làng nghề truyền thống kết hợp với phát triển du lịch.
- Phát triển một số ngành sản có lợi thế, tiềm năng gồm du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, thiết kế, ẩm thực, phần mềm và trò chơi giải trí. Đồng thời quan tâm phát triển các ngành quảng cáo, kiến trúc, điện ảnh, truyền hình và phát thanh, xuất bản.....

MÔN: TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR

* Vocabulary in Unit 7 – Unit 9 1. Natural wonders of the world 2. Tourism. 3. World Englishes * Pronunciation - Sounds : words related to the topics above. - Stress: The words have two, three, four syllables. Notice the sounds : -ion, -ity, -ic, -ious	* Grammar: 1. Reported speech (Yes/ No Questions) 2. Relative clauses
--	---

PRACTICE

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. A. <u>pa</u> radise | B. <u>a</u> nnual | C. ma <u>j</u> estic | D. <u>la</u> ndscape |
| 2. A. <u>l</u> ocate | B. <u>e</u> c <u>o</u> system | C. <u>s</u> no <u>w</u> | D. <u>r</u> ocky |
| 3. A. <u>h</u> eritage | B. <u>u</u> rg <u>e</u> nt | C. <u>h</u> esitate | D. <u>a</u> cc <u>e</u> ss |
| 4. A. <u>o</u> cc <u>a</u> sion | B. <u>a</u> cc <u>o</u> modation | C. <u>a</u> cc <u>e</u> ss | D. <u>o</u> cc <u>u</u> r |
| 5. A. <u>p</u> re <u>s</u> erve | B. <u>a</u> cc <u>e</u> ss | C. <u>d</u> est <u>i</u> nation | D. <u>s</u> ustainable |
| 6. A. <u>a</u> g <u>e</u> ncy | B. <u>g</u> ra <u>v</u> eyard | C. <u>f</u> am <u>o</u> us | D. <u>a</u> pp <u>l</u> ication |
| 7. A. <u>e</u> stimate | B. <u>t</u> erraced | C. <u>r</u> ecent | D. <u>d</u> om <u>e</u> stic |
| 8. A. <u>n</u> at <u>u</u> ral | B. <u>h</u> ist <u>o</u> ric | C. <u>s</u> it <u>e</u> | D. <u>t</u> our |
| 9. A. <u>a</u> g <u>e</u> ncy | B. <u>c</u> ruis <u>e</u> | C. <u>c</u> ur <u>i</u> ous | D. <u>c</u> ost |
| 10. A. <u>l</u> o <u>f</u> t | B. <u>b</u> ro <u>c</u> hure | C. <u>o</u> pt <u>i</u> on | D. <u>h</u> ist <u>o</u> rical |

Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|-------------------|---------------|----------------|----------------|
| 1. A. feature | B. crazy | C. support | D. urgent |
| 2. A. diversity | B. hesitation | C. magnificent | D. activity |
| 3. A. possess | B. coral | C. occur | D. permit |
| 4. A. annual | B. paradise | C. privacy | D. location |
| 5. A. destination | B. ecosystem | C. memorable | D. fascinating |
| 6. A. academic | B. fantastic | C. electric | D. heroic |
| 7. A. catholic | B. tragic | C. music | D. cosmetic |

8. A. conscious B. hilarious C. precious D. spacious
 9. A. serious B. glorious C. delicious D. anxious
 10. A. immigrant B. synonym C. difference D. dictation

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. A _____ is usually necessary when you travel overseas.
 A. passport B. driving licence C. birth certificate D. degree
2. They are going to spend their holiday _____ rural France.
 A. relaxing B. exploring C. reserving D. searching
3. An example of a _____ is a tour through Africa to view the elephants and lions.
 A. safari B. voyage C. mission D. cruise
4. There was a long queue at the _____ and customers were getting impatient.
 A. stopover B. take-off C. departure lounge D. check-out
5. Excuse me, how much is a _____.
 A. ticket return B. return ticket C. returning ticket D. ticket returning
6. Canada Sports tourism, _____ helps develop the economy substantially, has a number of objectives.
 A. which B. that C. who D. where
7. _____ is travelling from one region, country, state, etc. to engage or participate in a sports-related activity.
 A. Ecotourism B. Domestic tourism C. Local travelling D. Sports tourism
8. The travel agency _____ provided us with the tours gave us a small discount.
 A. whose B. who C. which D. What
9. A visit to the Great Wall will certainly bring tourists great _____ in each step of the wall.
 A. excite B. exciting C. excitement D. excited
10. The Great Wall of China is considered one of the greatest wonders of the world _____ its magnificence and significance.
 A. in spite of B. because C. instead of D. thanks to
11. The Amazon is well-known for its _____ of flora and fauna.

- A. location B. access C. paradise D. diversity
12. This field trip gave teenagers a chance to _____ the historical sites.
A. possess B. travel C. explore D. develop
13. Each tower of the Ponagar Towers was _____ to a different god.
A. dedicated B. distributed C. delivered D. contributed
14. When you encounter a new word, don't forget to _____ it in the dictionary.
A. pick up B. look up C. go over D. look over
15. The girl can talk to her parents in both Vietnamese and English. She is _____.
A. concentric B. fluent C. bilingual D. noisy
16. Can you help me _____ this passage from English into Spanish?
A. copy B. mean C. propose D. translate
17. The students _____ English skills are good can have better job opportunities in the future.
A. which B. of which C. whose D. who
18. I met Maria _____ is an exchange student from the UK yesterday.
A. Ø B. who C. whose D. which
19. Practising with native speakers can help learners become _____ in a language.
A. correct B. simple C. fluent D. rusty
20. These are some of the words _____ stress falls on the second syllable.
A. whose B. which C. what D. when

*** EVERYDAY ENGLISH.**

1. **Tuan:** Can I go with you to the Phong Nha Cave? - **Hung:** _____.
A. No, never. B. Yes. Why don't you?
C. Sure. Let's go. D. Certainly. You can't.
2. **Peter:** May I borrow your book about the natural wonders of the world? - **Mai:** _____.
A. Yes, I like reading about cultures. B. Sure. I'll find it for you.
C. What a pity! I don't know. D. Sorry, I'm not.
3. **Mai:** Do we have to plan our trip itinerary, John?
John: Oh, I don't think so because _____. Everything is arranged for us.
A. it is an expensive holiday B. we organise everything
C. it is a self-guided tour D. it is a package holiday
4. **Lan:** Mark, when do we have to come to the meeting point?
Mark: _____ at the meeting point before 6 a.m. because the tour will start at 6 a.m.
A. We must be B. We don't need to be

- C. We shouldn't be D. We may be
5. Lan is waiting for Minh in the library.

- **Minh:** "I'm really sorry. The traffic was terrible."

- Lan: “_____.”

- A. Sorry, I don't know what to do.
C. Can you say that again?
- B. That's okay, Minh.
D. Great! I appreciate it.

*** CLOSEST MEANING.**

1. The **luxurious** cruise offered delicious meals, great entertainment, and large cabins with ocean views.

- A. cheap B. expensive C. challenging D. smooth

2. After a long hike, we reached a waterfall, creating a **breathtaking** natural scene.

- A. terrible B. multi-storey C. beautiful D. poor

3. The Great Pyramid of Giza is one of the, famous man-made wonders of the world.

- A. artificial B. natural C. modem D. eternal

4. Her style of painting has been **imitated** by many other artists.

- A. copied B. judged C. commented D. denied

5. I'm from the USA so my **mother tongue** is English.

- A. official language B. native speaker C. first language D. second language

*** OPPOSITE MEANING.**

1. Many roads, hotels have been built around **man - made** wonders.

- A. original B. artificial C. natural D. fake

2. Hoi An is an **ancient** town that became a World Heritage Site in 1999.

- A. old B. wealthy C. poor D. modern

3. Tourists today **flock** to see the two falls that actually constitute Niagara Falls.

- A. come in small numbers B. come out of boredom
C. come by plane D. come in small numbers

4. The explosion made a **massive** hole on the ground.

- A. large B. big C. serious D. tiny

5. I met him **by chance** in Paris when I was on holiday last summer.

- A. on purpose B. by accident C. unintentionally D. unexpectedly

Read the following passages and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

Passage A- Located in the (1) _____ of the UNESCO-listed Phong Nha-Ke Bang National Park in Viet Nam’s Quang Binh province, Son Doong Cave is one of the most famous travel destinations that can be experienced in Southeast Asia. It was first (2) _____ in 1990 by Ho Khanh, a local fanner. Son Doong Cave is considered (3) _____ cave in the world. The length of Son Doong Cave is nearly 9 kms and it reaches a height of 200 metres. The ecosystem inside Son Doong Cave is as unique (4) _____

_____ it is large, and it even has its own weather system.

In 2013, Son Doong Cave was opened to the public for the first time, with the adventure tour company Oxalis running the five-day journey. Only 10 customers per departure (5) _____. Tours run once per week between February and August each year. The journey to Son Doong involves two days of jungle trekking and river crossings to reach the entrance, nights are spent camping inside the cave.

- | | | | |
|--------------------|---------------------|------------------|---------------|
| 1. A. height | B. heart | C. peak | D. bottom |
| 2. A. possessed | B. restored | C. discovered | D. located |
| 3. A. the largest | B. the most largest | C. a more larger | D. the larger |
| 4. A. therefore | B. and | C. because | D. as |
| 5. A. is permitted | B. are permitted | C. permits | D. permit |

Passage B- When visitors join in a (1) _____ of the Mekong Delta, they can visit Cai Rang Floating Market to see the river life. Cai Rang Floating Market is (2) _____ all day but it is busiest from sunrise to about 9 a.m. The main items (3) _____ there are farm produce and specialties of neighboring areas.

During the early morning market hours, larger-sized boats anchor and create lanes so that (4) _____ boats can move into and out of. The waterway becomes a maze of hundreds of boats packed with mangoes, bananas, papaya, pineapple, and other goods. Sellers do not have to (5) _____ their goods because their goods can be seen in a distance and their cries would not be heard in the vastness of river and the noise of boat engines.

- | | | | |
|---------------|----------------|----------------|--------------|
| 1. A. tour | B. trip | C. voyage | D. travel |
| 2. A. to open | B. open | C. opened | D. opening |
| 3. A. sell | B. are selling | C. selling | D. sold |
| 4. A. no | B. bigger | C. smaller | D. the same |
| 5. A. cry | B. cry out | C. cry out for | D. advertise |

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 2

Question 1: We had a school event focused on reducing plastic waste. Everything went well.

- _____
- a.** We set up some booths where students could learn about various alternatives to plastic and how to use them.
- b.** We invited several experts to give informative talks on the importance of reducing plastic use and its environmental impact.
- c.** As a result of these activities, many students actively participated and enthusiastically shared their own creative ideas for reducing plastic waste.

- | | | | |
|----------|----------|----------|----------|
| A. a-b-c | B. b-a-c | C. c-a-b | D. b-c-a |
|----------|----------|----------|----------|

Question 2. Choose the sentence that you can end the text (in Question 1) most appropriately.

- A. The students were inspired to start their own projects on reducing plastic waste.
- B. We planned another event to continue the fight against plastic pollution.
- C. The event was a success, and we all left with a better understanding of how to help the environment.
- D. The event was canceled due to scheduling conflicts with other school activities.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 2

CHỦ ĐỀ 3. Question 1. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

We had planned a relaxing weekend in Ha Noi. We were so excited to leave the countryside and look around the bustling streets. _____.

- a. On the way there, our car suddenly broke down in the middle of the road.
- b. However, things didn't go as smoothly as we had hoped.
- c. After waiting for an hour, a kind driver stopped to help us.

A. b - a - c B. a - c - b C. c - b - a D. b - c - a

Question 2. Choose the sentence that can end the text (in Question 1) most appropriately.

- A. Finally, we managed to reach our destination, but it was already dark.
- B. The city was beautiful, and we had a great time exploring it.
- C. Our car broke down, so we had to return home without enjoying the weekend.
- D. We quickly found a mechanic, and the car was fixed in no time.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Passage A: Mount Everest is a peak in the Himalayan mountain range. It is located between Nepal and Tibet, a region of China. At 8,849 metres (29,032 feet), it is considered the tallest point on Earth. In the nineteenth century, the mountain was named after George Everest, a former Surveyor General of India. The Tibetan name is Chomolungma, which means “Mother Goddess of the World.”

The first ever recorded people to climb Everest were Edmund Hillary (a mountaineer from New Zealand) and his Tibetan guide Tenzing Norgay. They climbed the mountain in 1953 and held the record together. The first records of Everest's height came much earlier, in 1856. British surveyors recorded that Everest was the tallest peak in the world. The Himalayan mountains have long been home to local groups living in the valleys. The most famous of these are the Sherpa people. The word “Sherpa” is often used to mean mountain guide, though it actually refers to an ethnic group. The Sherpa have valuable experience in mountain climbing, which they can provide to other climbers. Most climbs of Everest would be impossible without the Sherpas' help and knowledge. However, their way of life extends beyond helping Everest climbers. Traditionally, their lifestyle has consisted of fanning, herding, and trade.

Climbing Mount Everest has become a popular journey for mountain climbers. However, it is very **risky**. Climbing Everest requires a lot of experience mountaineering elsewhere, as well as a certificate of good health, equipment, and a trained Nepalese guide. The snow and ice on the mountain create

deadly dangers, and there is only a limited climbing season due to bad weather conditions like snowstorms. But perhaps the most serious danger is the altitude. Most climbers are not used to the high altitude and low oxygen levels. This is why the area above 8,000 metres (26,000 feet) on Everest is called the “death zone.” Climbers who spend long periods in this region can develop altitude sickness.

1. What is the main idea of the passage?

- A. The dangers of climbing Mount Everest
- B. The introduction of Mount Everest
- C. The lifestyle of the Sherpa people
- D. The location and history of Mount Everest

2. What is mentioned in paragraph 3 about the Sherpa people?

- A. The most famous group living on the top of Himalayan mountains is the Sherpa.
- B. The Sherpas’ traditional lifestyle includes mountain guiding and farming.
- C. The Sherpa can give experience in mountain climbing to other climbers.
- D. Most climbs of Everest could be done without the Sherpas’ help and knowledge.

3. The word “risky” in paragraph 3 is closest in meaning to ____.

- A. slippery B. attractive C. dangerous D. charming

4. According to paragraph 3, climbing Everest requires all of the following EXCEPT ____.

- A. mountain climbing experience B. a certificate of good physical strength
- C. an experienced guide D. a good mood

5. Which of the following is NOT true according to the passage?

- A. Mount Everest is located in the Himalayan mountain range, between Nepal and Tibet.
- B. Edmund Hillary and his Nepalese guide were the first people to climb Everest.
- C. The Tibetan name of Mount Everest means “Mother Goddess of the World.”
- D. Climbers who spend a long time in the “dead zone” can have health problems.

Passage B: Homestay is a type of tourism where travellers stay with local families in their homes. It offers both benefits and drawbacks.

One benefit of homestay is the opportunity to experience local culture firsthand. Travellers can learn about traditional customs, taste authentic homemade food, and engage in daily activities with the host family. It provides a deeper understanding of the local way of life.

Another advantage is the chance to establish connections and make new friends. Staying with a host family allows for personal interactions and cultural exchange, fostering cross-cultural understanding and friendship.

However, there are also some drawbacks to consider. One downside is the potential lack of privacy.

Sharing living spaces with the host family means less personal space and limited privacy compared to staying in a hotel.

Communication may also be a challenge if there are language barriers. It can be difficult to fully communicate and express needs and preferences without a common language.

Additionally, homestays may have different levels of comfort and 54 amenities compared to hotels.

Facilities may be basic, and travellers need to adapt to the host family's lifestyle and routines.

In conclusion, homestay tourism offers unique cultural experiences and the chance to connect with locals. While there may be challenges such as privacy and communication, it can be a rewarding way to **immerse** oneself in the local community and create lasting memories.

1. What is the content of the text?

- A. The advantages and disadvantages of homestay tourism
- B. The cultural experiences offered by homestay tourism
- C. The challenges of communication in homestay tourism
- D. The different levels of comfort in homestay accommodations

2. What are some activities that travellers can engage in during a homestay?

- A. Enjoying luxurious amenities and facilities with other tourists.
- B. Learning about traditional customs and tasting authentic homemade food.
- C. Experiencing complete privacy and personal space.
- D. Changing the host family's lifestyle and routines.

3. What is one drawback mentioned in the text regarding homestay accommodations?

- A. The ease of communication without any language barriers.
- B. The availability of luxurious amenities and facilities.
- C. The potential lack of privacy due to sharing living spaces.
- D. The opportunity to fully express needs and preferences.

4. What does the pronoun 'It' refer to?

- A. Working as a host
- B. Personal interactions
- C. Cultural exchange
- D. Homestay tourism

5. What does 'immerse' mean in the context of the text?

- A. become familiar with
- B. get involved completely in
- C. get used to
- D. become attracted by

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. "Are you excited about the trip to Ha Long Bay tomorrow?" My mum co said to me.

- A. My mum wanted to know if I was excited about the trip to Ha Long Bay the previous day.

- B. My mum asked me if I was excited about the trip to Ha Long Bay the following day.
- C. My mum wanted to know if she was excited about the trip to Ha Long Bay tomorrow.
- D. My mum asks if I am excited about the trip to Ha Long Bay the following day.

2. “Will you go on a trip to Mui Ne Sand Dunes this summer?” she said.

- A. She wanted to know if I would go on a trip to Mui Ne Sand Dunes that summer.
- B. She wants to know whether she would go on a trip to Mui Ne Sand Dunes that summer.
- C. She asks me if I will go on a trip to Mui Ne Sand Dunes this summer.
- D. She asked me whether I would go on a trip to Mui Ne Sand Dunes this summer.

3. “Did you visit Con Dao National Park last summer?”

- A. She asked me if I visited Con Dao National Park last summer.
- B. She wanted to know whether I visited Con Dao National Park last summer.
- C. She asked me if I had visited the Con Dao National Park the previous summer.
- D. She knew whether I had visited Con Dao National Park the year before.

4. The hotel’s rooms overlook the ocean. The hotel offers breathtaking views to guests.

- A. The guests who want rooms overlooking the ocean can ask the hotel to offer them.
- B. Only the guests who want rooms overlooking the ocean may get the hotel offers.
- C. The hotel whose rooms overlook the ocean offers breathtaking views to guests.
- D. The breathtaking view is offered to the guests who stay at the hotel for a long time.

5. The girl is my friend. You saw the girl yesterday at the cinema.

- A. The girl who saw yesterday at the cinema is my friend.
- B. The girl who you saw yesterday at the cinema my friend.
- C. The girl who you saw yesterday at the cinema is my friend.
- D. The girl who you saw yesterday at the cinema be my friend.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

1. They/ want/ know / if /we/ can/ get access / Niagara Falls/ the Canadian side.

- A. They asked the guide if they got access to Niagara Falls from the Canadian side.
- B. They wanted if they can get access to Niagara Falls from the Canadian side.
- C. They wanted to know if we could get access to Niagara Falls from the Canadian side.
- D. They asked the guide if they could get access to Niagara Falls from the Canadian side.

2. My mum /ask/ me/ if /I/ excited / the trip/ Ha Long Bay the following day.

- A. My mum wanted to know if I was excited about the trip to Ha Long Bay the previous day.
- B. My mum asked me if I was excited about the trip to Ha Long Bay the following day.
- C. My mum wanted to know if she was excited about the trip to Ha Long Bay tomorrow.

D. My mum asks if I am excited about the trip to Ha Long Bay the following day.

3. The market / sell fresh produce/ local crafts / be/ great place / explore.

A. The market which sell fresh produce and local crafts is a great place to explore.

B. The market which sells fresh produce and local crafts is a great place to explore.

C. The market which sells fresh produce and local crafts is great place to explore.

D. The market which sells fresh produce or local crafts is a great place to explore.

4. The police/ search/ the girl and her pet/ be announced / missing.

A. The police are searching the girl and her pet that was announced to be missing.

B. The police are searching the girl and her pet who was announced to be missing.

C. The police are searching the girl and her pet which were announced to be missing.

D. The police are searching the girl and her pet that were announced to be missing.

5. We/ visit/ old building /while /they/ go/ to/ traditional market.

A. We visited an old building while they were going to a traditional market.

B. We were visiting an old building while they were going to a traditional market.

C. We were visiting an old building while they went to a traditional market.

D. We visited an old building while they had gone a traditional market.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1: What does this sign say?



A. Anyone can park here without any restrictions.

B. Only customers are allowed to park in these spaces.

C. Parking is not allowed in this area at all.

D. There are no rules for parking; it is open for everyone.

Question 2: What does the notice say?

**"Help desk available here for any questions or assistance.
Please ask for help if needed"**

A. Everything you need is covered here if you are a customer.

B. The help desk is closed and not in use.

C. You can get help here for any questions or problems.

D. The help desk is only for staff.

Question 3. What does the sign say?



A. Beach closed for swimming.

B. It's not dangerous to swim here.

C. You can swim here but it may be dangerous.

D. Swimming is prohibited here.

Question 4. What does the notice say?

**Students have free internet
access until midday on
weekdays and
all day at weekends.**

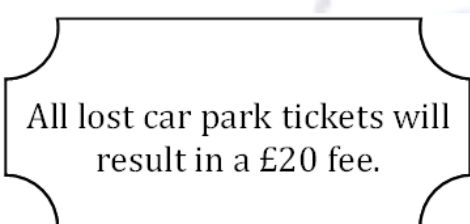
- A. There is a charge for internet access at weekends.
- B. Students must always pay to use the internet in the afternoons.
- C. It doesn't cost anything to use the internet on weekday mornings.
- D. Students can access free internet services every Monday to support their learning.

Question 5. What does the sign say?



- A. All drivers have to stop now.
- B. Drivers must look for the traffic lights.
- C. Drivers must turn right here.
- D. School zone ahead, so slow down.

Question 6 . Where does this text mostly seen?



- A. It always costs £20 to park here.
- B. You will be fined £20 if you park here.
- C. You must pay £20 if you lose your tickets.
- D. You can park for free if you lose your ticket.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 4.

Galapagos Islands

The Galapagos Islands are home to a variety of animal species _____(1) including giant tortoises, marine iguanas, and blue-footed boobies. The islands also offer incredible opportunities for snorkelling and scuba diving, _____(2). _____(3) so it's important to plan your visit in advance. _____(4), which allows them to explore multiple islands and learn about the fascinating history and wildlife of the region.

- A. Access to the Galapagos Islands is limited in order to protect the delicate ecosystem,
- B. where visitors can swim with sea lions, penguins, and even sharks
- C. Most visitors choose to take a guided tour
- D. that can't be found anywhere else in the world,

1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____

MÔN: NGHỆ THUẬT – PHẦN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “Ngôi nhà của chúng ta”.
2. Hát bài “Nụ cười”
3. Tập đọc nhạc số 3

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm

2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

MÔN: NGHỆ THUẬT – PHÂN MỸ THUẬT

a). Nội dung đề:

- 1: Em hãy vẽ một căn phòng theo phong cách nghệ thuật POP ART
- 2: Vẽ một bức tranh theo phong cách nghệ thuật POP ART
- 3: Nghệ thuật POP ART mang lại hiệu quả thẩm mỹ như thế nào.

b). Yêu cầu:

- Dụng cụ cần chuẩn bị :Giấy A4,bút chì,tẩy,giấy màu,màu tự do và các vật liệu tái chế khác
- Nêu được nét đặc trưng về màu sắc và hình thức thể hiện tranh của nghệ thuật POP ART
- Vẽ được bức tranh theo phong cách nghệ thuật POP ART
- Chọn lọc được tinh hoa mỹ thuật thế giới trong học tập và cuộc sống.

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Cầu lông

- Loại đạt: Thực hiện đúng kỹ thuật phát cầu hoặc đập cầu. (có thể thi lý thuyết).
- Loại chưa đạt: Thực hiện chưa đúng kỹ thuật phát cầu hoặc đập cầu.

